

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ “XUỞNG MAY GIA CÔNG
QUẦN ÁO CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT
1.500.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

**Địa chỉ thực hiện cơ sở: Số 636-638 đường Nguyễn Duy, phường
Xóm Củi, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh**



TP. HCM, tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ “XUỞNG MAY GIA CÔNG
QUẦN ÁO CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT
1.500.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

Địa chỉ thực hiện cơ sở: Số 636-638 đường Nguyễn Duy, phường
Xóm Củi, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



TP.HCM, tháng 5 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	8
1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	8
1.2. Tên cơ sở: Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm	8
1.3. Công suất, công nghệ của cơ sở	11
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	11
1.4. Công nghệ sản xuất của cơ sở	11
1.5. Sản phẩm của cơ sở	15
1.6. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	15
1.6.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu	15
1.6.2. Nhu cầu sử dụng điện năng	16
1.6.3. Nhu cầu sử dụng nước	17
1.7. Các thông tin liên quan khác của cơ sở	19
1.8. Máy móc, thiết bị sử dụng cho hoạt động của cơ sở	21
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	24
2.2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường	24
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	26
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	26
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	26
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	28
3.1.3. Xử lý nước thải	31
3.2. Bụi, khí thải khu vực lò hơi	45
3.2.1. Thuyết minh quy trình công nghệ	46

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

3.2.2.	Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất	48
3.2.3.	Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động ra vào Cơ sở	48
3.2.4.	Giảm thiểu tác động do khí, mùi hôi từ khu vực xử lý nước thải, khu vực tập kết chất thải rắn, hệ thống thu gom nước thải	49
3.3.	Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường	49
3.3.1.	Chất thải rắn sinh hoạt.....	50
3.3.2.	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	51
3.4.	Công trình, biện pháp lưu trữ chất thải nguy hại.....	52
3.5.	Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	55
3.6.	Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	57
3.6.1.	Đối với bể tự hoại.....	57
3.6.2.	Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung	57
3.6.3.	Đối với tủ điện điều khiển	58
3.6.4.	Đối với sự cố cháy nổ.....	59
3.6.5.	Sự cố an toàn về điện	61
3.6.6.	Sự cố rò rỉ, tràn đổ hoá chất, nhiên liệu	62
3.6.7.	Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý lò hơi.....	62
3.7.	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	62
3.7.1.	Biện pháp giảm thiểu, khống chế ô nhiễm nhiệt dư.....	62
3.8.	Nội dung thay đổi so với Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ...	63
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG		65
4.1.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	65
4.2.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	67
4.3.	Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	69
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....		71
5.1.	Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở	71
5.2.	Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	71
5.3.	Kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải	73
5.4.	Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	73
5.5.	Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	74

CHƯƠNG 6. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 75

6.1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 75

6.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm 75

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ..... 75

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục nước thải 76

6.2.3. Chương trình quan trắc khí thải..... 76

6.2.4. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở 76

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm..... 76

CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ..... 77

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Sản phẩm hoạt động hiện tại của cơ sở.....	11
Bảng 1. 2. Sản lượng sản xuất của công ty so với GCN đăng ký	15
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu.....	15
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu.....	16
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng điện.....	16
Bảng 1. 6. Nhu cầu nước sử dụng tính theo ngày của nhà máy Hữu Nghị	17
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở	18
Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình	20
Bảng 1. 9. Danh mục thiết bị, máy móc	22
Bảng 2. 1. Hệ thống thu gom thoát nước mưa.....	27
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom nước thải.....	29
Bảng 3. 2. Thông số thiết kế và các vật tư thiết bị của HTXLNT.....	30
Bảng 3. 3. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung	32
Bảng 3. 4. Hoá chất, chế phẩm sinh học cho quá trình vận hành HTXLNT.....	40
Bảng 3. 5. Bảng so sánh số lượng lò hơi	45
Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi	47
Bảng 3. 7. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động...	51
Bảng 3. 8. Bảng khối lượng chất thải bùn	52
Bảng 3. 9. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh vào năm 2021-2023.....	52
Bảng 3. 10. Cách xử lý sự cố và bảo trì thiết bị	58
Bảng 3. 11. Bảng nội dung thay đổi thực tế so với Bảng đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường	63
Bảng 4. 1. Bảng giá trị QCVN 14:2008/ BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt.....	66
Bảng 4. 2. Bảng thông số tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT	68
Bảng 4. 3. Vị trí, phương thức xả khí thải.....	69
Bảng 4. 4. Bảng tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	69
Bảng 4. 5. Bảng giá trị giới hạn với tiếng ồn	70

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Bảng 4. 6. Bảng giá trị giới hạn với độ rung	70
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc hệ thống xử lý nước thải năm 2022 và 2023.....	71
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc khí thải ở không khí xung quanh trong năm 2022-2023	73
Bảng 5. 3. Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường không khí bên trong tại năm 2022-2023	73
Bảng 5. 4. Bảng kết quả quan trắc môi trường tại lò hơi trước HTXL khí thải trong năm 2022-2023.....	74
Bảng 5. 5. Thành phần, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động	74
Bảng 5. 6. Khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được xử lý	74
Bảng 5. 7. Bảng khối lượng chất thải nguy hại trong năm 2021-2023	74
Bảng 6. 1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ nước thải.....	75
Bảng 6. 2. Chương trình quan trắc khí thải	76
Bảng 6. 3. Dự trù kinh phí thực hiện chương trình quan trắc môi trường hằng năm.....	76

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Hình ảnh xưởng may trên bản đồ (1188216.39, 599382.93)	9
Hình 1.2. Hình ảnh thực tế của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị	9
Hình 1.3. Quy trình công nghệ sản xuất hàng may mặc	5
Hình 1.4. Hình ảnh minh họa quy trình hoạt động của cơ sở.....	14
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước	27
Hình 3. 2. Vị trí hố ga thu nước mưa của nhà xưởng và ống đứng thu nước mưa.....	28
Hình 3. 3. Sơ đồ ống dẫn xả nước thải sau xử lý của Công ty	30
Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải	31
Hình 3. 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	31
Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải	33
Hình 3. 7. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải hiện hữu công suất 120m ³ / ngày	42
Hình 3. 8. Lò hơi hiện hữu của cơ sở	45
Hình 3. 9. Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	46
Hình 3. 10. Ống khói thoát ra của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	47
Hình 3. 11. Điểm tập trung rác thải sinh hoạt của Cơ sở	50
Hình 3. 12. Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường.....	51
Hình 3. 13. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại cơ sở.....	55
Hình 3. 14. Hệ thống PCCC tại Cơ sở.....	618
Hình 4. 1. Hố ga tập trung nước thải từ HTXLNT của nhà máy Hữu Nghị (tại vị trí X: 1188214, Y: 599376 thuộc Hệ tọa độ VN-2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°45').....	66

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài nguyên & Môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTRCN	: Chất thải rắn công nghiệp
CTR	: Chất thải rắn
DV	: Dịch vụ
ĐTV	: Động thực vật
ĐVT	: Đơn vị tính
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
MTV	: Một thành viên
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QH	: Quốc hội
QLCTNH	: Quản lý chất thải nguy hại
SS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TM	: Thương mại
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
Tp.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	: Ủy ban nhân dân

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị

- Địa chỉ văn phòng: Số 636 - 638 đường Nguyễn Duy, phường Xóm Cũi, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Hà Văn Duyệt**

- Chức vụ: Tổng giám đốc

- Điện thoại: (028). 3855. 4176 Fax: (028). 3855. 3476

- E-mail: info@hugamex.com.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302641539 chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 05/06/2002, chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/02/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Tên cơ sở: Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm

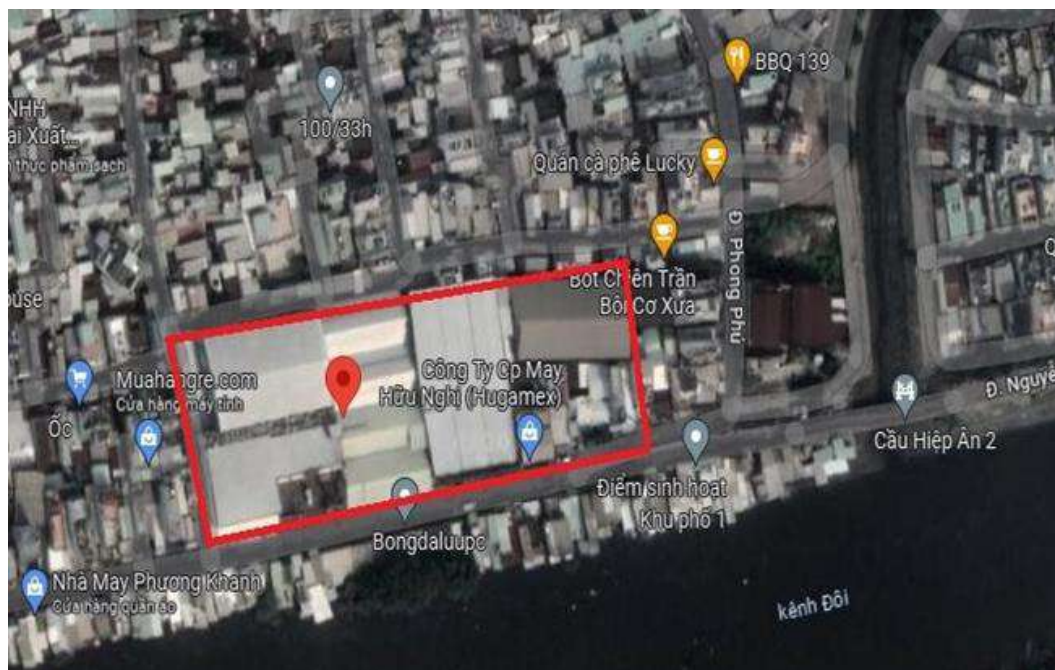
- Địa điểm cơ sở: Số 636-638 Nguyễn Duy, phường Xóm Cũi, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

“Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị hoạt động tại số 636 - 638 đường Nguyễn Duy, phường Xóm Cũi, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh có tổng diện tích đất 5.230 m² sử dụng làm xưởng may và kho.

Vị trí tiếp giáp của Công ty như sau:

- Phía Đông giáp : Nhà dân.
- Phía Tây giáp : Nhà dân.
- Phía Nam giáp : Đường Nguyễn Duy.
- Phía Bắc giáp : Nhà dân.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”



Hình 1.1. Hình ảnh xưởng may trên bản đồ vệ tinh (1188216.39, 599382.93)



Hình 1.2. Hình ảnh thực tế của Công ty Cổ phần may Hữu Nghị

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Hợp đồng thuê đất số 3425/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 27/05/2014 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại số 636 Nguyễn Duy, phường 12, quận 8.

+ Hợp đồng thuê đất số 1703/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018 giữa công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại số 638 Nguyễn Duy, phường 12, quận 8.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.003383.T ngày 09/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Giấy phép thi công đầu nổi thoát nước số 55/UBND-QLĐT ngày 30/08/2019 do UBND quận 8 cấp.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1353/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/12/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày số 01/NTHTDVSD-HN-SGX ngày 20/08/2019 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Sài Gòn Xanh.

- Quy mô của cơ sở : (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị đã đi vào hoạt động từ năm 2002 và có tổng vốn đầu tư là 237.789.000.000 đồng: cơ sở thuộc nhóm B căn cứ theo quy định tại Khoản 4, Điều 8, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 quy định chi tiết tại số thứ tự III, phần A, Phụ lục 1 của Nghị định 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư công số 39/2019 (Nhà máy dệt; nhà máy sản xuất các sản phẩm may quy định tại Điểm b, Khoản 4, Mục IV, phần A, Phụ lục 1 có tổng vốn đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng).

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường , căn cứ theo mục số II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ thì dự án thuộc nhóm III theo tiêu chí môi trường.

Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định này.

Công ty đã đi vào hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường. Vì vậy theo Khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Giấy phép môi trường của Công ty thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Thực hiện theo đúng các quy định tại Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường Công ty Cổ phần may Hữu Nghị xây dựng Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm” tại Số 636-638 Nguyễn Duy, phường Xóm Củi, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh theo hướng dẫn tại Phụ lục X.

1.3. Công suất, công nghệ của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

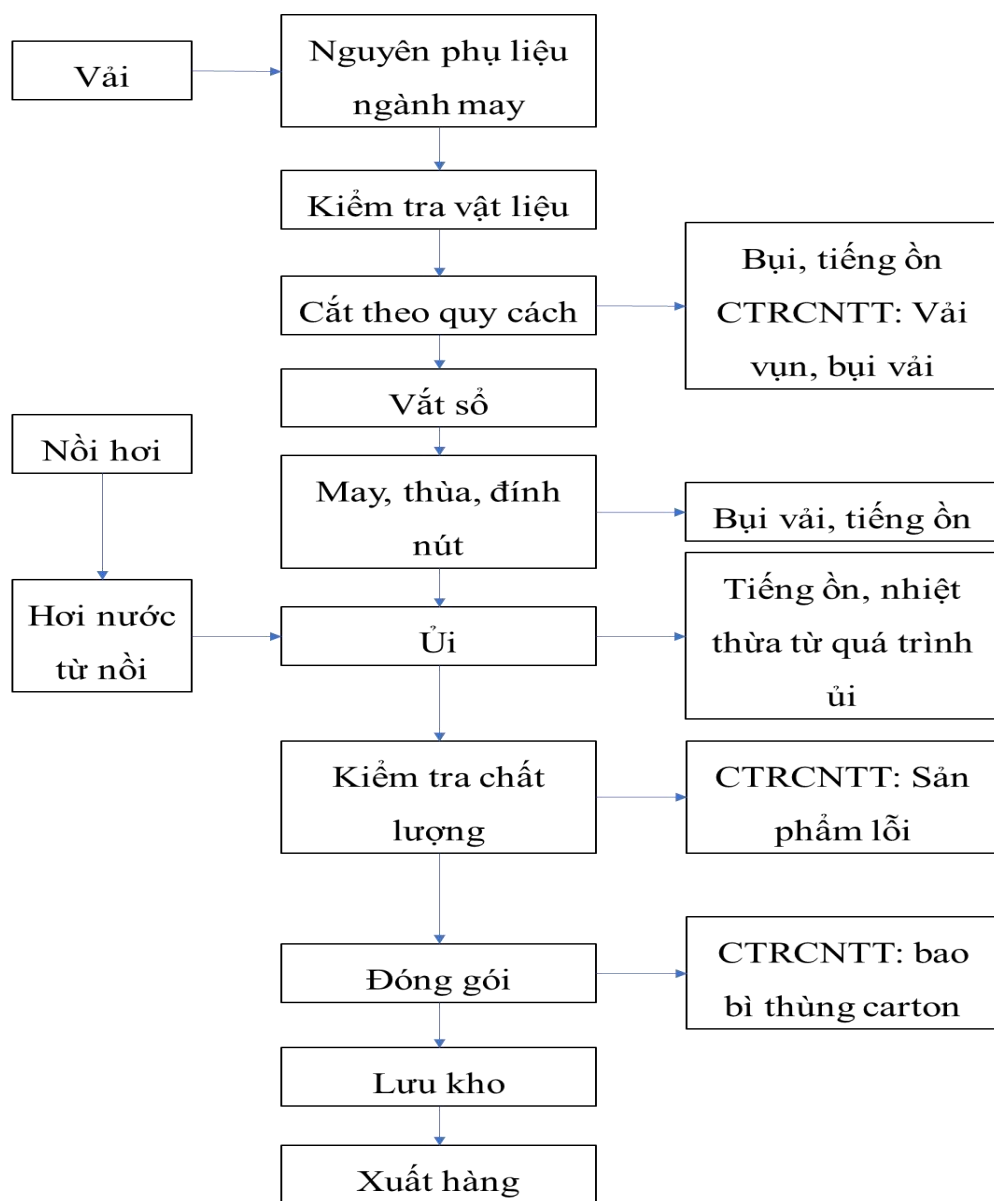
Bảng 1. 1. Sản phẩm hoạt động hiện tại của cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Công suất
1	Áo các loại	Sản phẩm/năm	400.000
2	Quần các loại	Sản phẩm/năm	350.000
Tổng công suất hiện tại		Sản phẩm/năm	750.000
Sản phẩm tối đa theo Giấy chứng nhận đăng ký Môi trường số 7444		Sản phẩm/năm	1.500.000

Hiện tại, cơ sở hoạt động ổn định không tăng quy mô, công suất so với Giấy chứng nhận đăng ký Môi trường đã được phê duyệt.

1.4. Công nghệ sản xuất của cơ sở

 Quy trình sản xuất của cơ sở



Hình 1.3. Quy trình công nghệ sản xuất hàng may mặc

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”



Khu vực kho chứa nguyên phụ liệu vải may



Quy trình kiểm tra vải



Khu vực cắt vải theo quy cách



Khu vực may thùa



Khu vực ủi thành phẩm

Hình 1.3. Hình ảnh minh họa quy trình hoạt động của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Nguyên phụ liệu được nhận từ khách hàng đặt may gia công. Sau khi nhận nguyên phụ liệu, tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng theo phiếu xuất kho của khách hàng. Bộ phận thiết kế tiến hành vẽ mẫu, làm rập và may thử 02 mẫu và kiểm tra mẫu trước khi trình khách hàng duyệt.

Sau khi nhận được phản hồi của khách hàng duyệt mẫu, tiến hành xả vải ra khỏi cây vải để vải co giãn tự nhiên trước khi trải vải lên bàn cắt, đặt rập lên trên và cắt bằng máy. Từng chi tiết sản phẩm được cắt riêng, sau khi cắt tiến hành đánh số theo thứ tự trước khi chuyển sang bộ phận may.

Tại bộ phận may, các chi tiết được may lại theo đúng yêu cầu của thiết kế thành phẩm. Bộ phận này tùy theo tay nghề mà phân chia nhịp nhàng để tạo sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu. Trong công đoạn may các sản phẩm hàng may mặc, tùy theo loại mặt hàng có tích hợp các chi tiết, bộ phận có sử dụng keo dựng vải nằm giữa lớp áo ở cổ áo, tay áo của áo sơ mi giúp cho cổ áo hoặc tay áo cứng cáp và đẹp hơn.

Sản phẩm sau khi may cơ bản, chuyển sang bộ phận đóng nút, tại đây tùy theo thiết kế riêng của từng loại sản phẩm may mặc mà công đoạn đóng nút diễn ra.

Sau khi may, đóng nút hoàn chỉnh, các sản phẩm đạt yêu cầu được ủi (hơi sử dụng cho khâu ủi được cung cấp từ hệ thống lò hơi của Cơ sở, hiện tại sử dụng máy ủi hơi nước), treo và cuối cùng là kiểm tra chất lượng cuối chuyên xem sản phẩm đã đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật so với sản phẩm may mẫu không.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Những sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói vào bao trước khi sản phẩm qua máy dò kim loại để kiểm tra xem có kim gãy hoặc kim loại dính trong sản phẩm trong quá trình may không. Sản phẩm sau đó được đóng thùng và kiểm tra lần cuối xem mã hàng, số lượng hàng thực tế trong thùng có đúng với thông tin ghi trên thùng, đúng với đơn hàng của khách hàng không trước khi lưu kho và xuất hàng bàn giao sản phẩm.

1.5. Sản phẩm của cơ sở

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp thì sản lượng sản xuất của Công ty là :

Bảng 1. 2. Sản lượng sản xuất của Công ty so với GCN đăng ký

Stt	Nội dung	Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444	Thực tế hiện nay tại Nhà máy may Hữu Nghị
1	Sản lượng sản xuất	1.500.000 sản phẩm/năm	750.000 sản phẩm/năm
2	Số dây chuyền may	18	11
3	Số lượng lò hơi	9 lò hơi điện	3 lò hơi dầu DO

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

Công ty chuyên gia công sản xuất các mặt hàng may mặc truyền thống như: áo Jacket, quần tây, quần kaki,...với tổng sản lượng 1.500.000 sản phẩm/năm.

Sản lượng sản xuất của Công ty trong thời gian qua trung bình khoảng 750.000 sản phẩm/năm đạt khoảng 50% công suất đã đăng ký.

1.6. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.6.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu

Bảng 1. 3 .Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT/năm	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Vải chính	m ²	844.000	May quần áo
2	Gòn các loại	m	15.379	Nhồi áo khoác

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

3	Tem nhãn	Bộ	750.000	Dán nhãn áo
4	Chỉ may các loại	Cuộn	57.503	May quần áo
5	Thùng carton đóng gói	Thùng	68.809	Đóng gói
6	Cúc các loại	Cái	2.630.000	Đính nút quần áo
7	Dây Khóa các loại	Cái	150.000	Làm khoá kéo
8	Móc quần áo	Cái	36.000	Móc quần áo khi ủi
9	Kim băng	Cái	-	Kẹp, cài áo
10	Giấy lụa	Tờ	101.230	Gói quần áo

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Stt	Tên nhiên liệu	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu DO	lít/tháng	50	Vận hành lò hơi
2	Dầu bôi trơn máy may	lít/tháng	50	Bôi trơn máy may

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

1.6.2. Nhu cầu sử dụng điện năng

- Nguồn cung cấp : Công ty Điện lực Chợ Lớn
- Mục đích sử dụng : Vận hành máy móc thiết bị và chiếu sáng.
- Nhu cầu sử dụng : Trung bình 125.920 kWh/tháng.

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng điện

Stt	Tháng	ĐVT	Số lượng
1	01/2024	kWh/tháng	138.305
2	02/2024	kWh/tháng	77.242

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

3	03/2024	kWh/tháng	131.076
4	04/2024	kWh/tháng	131.394
5	05/2024	kWh/tháng	129.517
6	06/2024	kWh/tháng	139.874
7	07/2024	kWh/tháng	154.887
8	08/2024	kWh/tháng	163.558
9	09/2024	kWh/tháng	123.337
10	10/2024	kWh/tháng	126.824
11	11/2024	kWh/tháng	128.546
12	12/2024 (tính đến ngày 20/12/2024)	kWh/tháng	66.488
Trung bình		kWh/tháng	125.920

(Nguồn: Hóa đơn tiền điện từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024 của Công ty)

1.6.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp : Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn.
- Mục đích sử dụng : Cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng, cấp cho lò hơi, tưới cây, rửa sân bãi, PCCC...
- Nhu cầu sử dụng nước theo tính toán của cơ sở như sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu nước sử dụng tính theo ngày của nhà máy Hữu Nghị

Stt	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày đêm)		
	Nguồn sử dụng	Tính toán theo công suất tối đa	Thực tế trung bình năm 2024
1	Nhu cầu vệ sinh của nhân viên	56,25	25,30
2	Nước cấp cho khách hàng	1,25	
3	Nước cấp bổ sung cho bể PCCC	5	
4	Nước cấp bù cho lò hơi	1	
5	Nước cấp bể hấp thụ hệ thống xử	1	

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

	lý lò hơi		
6	Nước cấp vệ sinh lòng, thành lò hơi	2	
7	Nước tưới sân bãi	5	
	Tổng cộng	71,5	

+ Lượng nước phục vụ nhu cầu vệ sinh của nhân viên tại Công ty: 500 người x 45 lít/người/ngày x 2,5 (hệ số không điều hòa giờ: $K = 2,5$) (Bảng 4 của TCXDVN 13606: 2023) = 56,25 m³/ngày.

+ Nước sinh hoạt cấp cho 50 khách vắng lại: Trung bình 1 người sử dụng 25 lít nước/người (Bảng 4 của TCXDVN 13606:2023) thì lượng nước sử dụng bình quân: 50 người x 25 lít nước/người = 1,25 m³/ngày.

+ Nước cấp cho bổ sung hao hụt cho bể PCCC 40 m³ của Công ty: 5 m³/ngày

+ Nước cấp bù cho lò hơi: 1 m³/ngày.

+ Nước cấp bể hấp thụ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 1 m³/ngày đêm.

+ Nước cấp vệ sinh lòng thành lò hơi: 2 m³/ngày đêm.

+ Nước tưới sân bãi: 5 m³/ngày.

Như vậy, tổng lượng nước cấp là: $Q = 71,5$ m³/ngày đêm.

Trong đó hạng mục phát sinh nước thải gồm: Nước sinh hoạt, nước vệ sinh lòng thành lò hơi. Tổng lưu lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp: $Q_{\text{thảisx}} = 60,5$ m³/ngày. Đối với nước thải từ bể hấp thụ hệ thống xử lý khí thải lò hơi Công ty thu gom như chất thải nguy hại. Trong quá trình hoạt động, cơ sở không sử dụng nước sản xuất,

Lượng nước sử dụng thực tế của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở

Stt	Tháng	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /tháng)	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)
1	01/2024	581	19,36
2	02/2024	581	19,36
3	03/2024	522	17,40
4	04/2024	606	20,20

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

5	05/2024	748	24,93
6	06/2024	818	27,26
7	07/2024	998	33,26
8	08/2024	1098	36,60
9	09/2024	1017	33,90
10	10/2024	716	23,86
11	11/2024	752	25,06
12	12/2024	672	22,4
Trung bình		759,08	25,30

(Nguồn: Hóa đơn tiền nước từ tháng 01/2024 đến 12/2024 của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

Công ty không tổ chức nấu ăn tại cơ sở mà đặt suất ăn công nghiệp cho công nhân viên làm việc tại cơ sở.

Cơ sở có sử dụng 3 nồi hơi chạy bằng dầu DO để cung cấp nhiệt cho quá trình ủi là nước hàng ngày nước cạn thải nồi hơi được xả ra ngoài với lưu lượng tính cho 3 nồi hơi khoảng 2 m³/ngày thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng tuy nhiên Cơ sở sử dụng nước cấp thủy cục cấp nước cho nồi hơi nên nồng độ chất rắn lơ lửng trong nước xả cạn thải nồi hơi là không đáng kể lượng nước thải này được thu gom và dẫn về HTXLNT để tiếp tục xử lý.

1.7. Các thông tin liên quan khác của cơ sở

Các hạng mục công trình:

“Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần may Hữu Nghị hoạt động tại địa chỉ số 636 - 638 đường Nguyễn Duy, phường Xóm Cũi, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh có tổng diện tích đất thuê là 5.230 m² theo:

+ Hợp đồng thuê đất số 3425/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 27/05/2014 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại số 636 Nguyễn Duy, phường 12, quận 8.

+ Hợp đồng thuê đất số 1703/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 13/02/2018 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại số 638 Nguyễn Duy, phường 12, quận 8. Quy mô các hạng mục công trình xây dựng như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình

Stt	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỉ lệ(%)
1	Khu văn phòng	260	4,88
2	Nhà bảo vệ	16	0,28
3	Nhà y tế	52	0,99
4	Khu vực sản xuất	2636	49,55
5	Khu vực kho thành phẩm	511	9,60
6	Khu vực nhà xe	300	5,64
7	Khu vực bể nước PCCC	40	0,75
8	Khu vực lò hơi	30	0,56
9	Khu vực nguyên liệu	600	11,28
10	Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	10	0,19
11	Khu vực lưu chứa vải vụn (CTRCNTT)	20	0,38
12	Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	10	0,19
13	Khu vực xử lý nước thải	500	9,40
14	Đất sân bãi + giao thông nội bộ	335	6,30
Tổng cộng		5.320	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

Hệ thống giao thông

Hệ thống đường giao thông, đường nội bộ tại khu vực Công ty đã được xây dựng hoàn chỉnh bê tông hoàn toàn, đồng bộ kết nối giao thông tại khu vực. Cơ sở nằm trong khu dân cư đã được quy hoạch nên hệ thống giao thông hoàn chỉnh và thuận tiện tạo nên một hệ thống giao thông liên hoàn, chạy vòng quanh công trình thuận tiện cho việc đi lại cũng như phục vụ công tác PCCC.

Cơ sở nằm ở trung tâm quận 8, gần trục đường giao thông chính thuận tiện cho việc đi lại của cán bộ công nhân viên làm việc trong Công ty.

Hệ thống cấp điện

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của Công ty được lấy từ mạng lưới điện quốc gia do Công ty Điện lực Chợ Lớn cung cấp với mục đích chiếu sáng, vận hành các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của Công ty. Công ty không trang bị hai máy phát điện dự phòng đề phòng cho trường hợp sự cố mất điện.

Hệ thống cấp nước

Hiện tại, nguồn nước sử dụng cho hoạt động của Công ty được cung cấp từ Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn. Nước sử dụng cho hoạt động của Công ty bao gồm nước sinh hoạt, cấp cho lò hơi, tưới sân bãi vệ sinh sàn, PCCC...

Hệ thống PCCC, chống sét

Thiết kế hệ thống PCCC được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn bao gồm:

- Bậc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn.
- Hệ thống họng chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động sprinkler.
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng, bình chữa cháy.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa hiện hữu của Công ty đã được đầu tư hoàn thiện.

Nước mưa được quy ước sạch, nước mưa trên mái tập trung chảy vào senô, từ senô chảy qua lưới chắn rác và được thu vào các ống đứng dẫn vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà xưởng. Nước mưa được thu gom và tách riêng với hệ thống thoát nước thải và thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung của thành phố dọc đường Nguyễn Duy hoặc các tuyến đường tiếp giáp cơ sở.

Hệ thống thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng với thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt bao gồm từ các bồn xí, bồn tiểu của các khu vệ sinh, nước thải thoát sàn, nước thải từ chậu rửa được thu gom theo đường ống dẫn PVC D60 dẫn vào bể tự hoại ba ngăn để xử lý sơ bộ sau đó dẫn vào bể điều hòa của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra môi trường.

Nước thải từ các lavabo, phễu thu sàn được thu gom theo đường ống dẫn PVC D60 dẫn vào bể điều hòa của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra môi trường.

Nước thải phát sinh từ tháp hấp thụ hơi khí từ lò hơi trong quá trình xả đáy bão hòa không còn khả năng xử lý được Công ty thu gom như CTNH.

1.8. Máy móc, thiết bị sử dụng cho hoạt động của cơ sở

Danh mục một số máy móc, thiết bị chính sử dụng trong quá trình hoạt động của cơ sở được trình bày như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Bảng 1. 9. Danh mục thiết bị, máy móc

Stt	Tên thiết bị, máy móc	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng hoạt động
1	Máy 1 kim mặt bằng	Trung Quốc	385	80%
2	Máy 2 kim mặt bằng	Nhật Trung Quốc	15	80%
3	Máy 2 kim trợ lực	Nhật	21	80%
4	Máy vắt sổ 3 chỉ	Nhật Trung Quốc	14	80%
5	Máy vắt sổ 4 chỉ	Nhật	16	80%
6	Máy vắt sổ 5 chỉ	Nhật Trung Quốc	18	80%
7	Máy vắt sổ 6 chỉ	Nhật Trung Quốc	13	80%
8	Máy dập nút	Nhật	18	80%
9	Máy đính nút	Nhật	10	80%
10	Máy thừa khuy thẳng	Nhật	8	80%
11	Máy bọ cổ định	Nhật Trung Quốc	12	80%
12	Máy 1 kim cắt chỉ	Trung Quốc	12	80%
13	Máy cào	Nhật	21	80%
14	Máy may dây passan	Nhật	3	80%
15	Máy đánh bóng 4 kim	Nhật	3	80%
16	Máy móc xích 12 kim	Nhật	6	80%
17	Máy xăm lai	Nhật Trung Quốc	9	80%
18	Máy tra tay	Nhật	3	80%
19	Máy cắt cổ định	Nhật	3	80%
20	Máy cắt di động	Nhật Trung Quốc	18	80%

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

21	Máy cắt đầu bàn	Nhật Trung Quốc	6	80%
22	Máy ép dập	Nhật	6	80%
23	Máy đánh chỉ	Trung Quốc	6	80%
24	Máy viền lưng	Nhật	9	80%
25	Máy viền lai	Nhật	6	80%
26	Máy kiểm kim	Nhật	8	80%
27	Máy tẩy	Trung Quốc	3	80%
28	Máy nén hơi	Đài Loan - Nhật - Việt Nam	8	80%
29	Nồi hơi	Nhật	3	80%
30	Bàn ủi hơi	Nhật	24	80%
31	Bàn hút	Trung Quốc	24	80%

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

“Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị được đầu tư xây dựng tại địa chỉ số 636-638 đường Nguyễn Duy, phường Xóm Củi, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 5.230 m² với mục đích sử dụng đất là xưởng may và kho và văn phòng.

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng và cho thuê đất tại hợp đồng:

- + Hợp đồng thuê đất số 3425/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 27/05/2014 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại số 636 Nguyễn Duy, phường 12, quận 8.
- + Hợp đồng thuê đất số 1703/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 13/02/2018 giữa công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại số 638 Nguyễn Duy, phường 12, quận 8.

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Xét về vị trí đầu tư và quy mô của Dự án có thể thấy Cơ sở hoạt động hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đã được Phê duyệt góp phần tăng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường

Đối với nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cơ sở được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 120 m³/ngày.đêm đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K= 1 (Cơ sở sản xuất 500 người trở lên) trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn duy (Theo Giấy phép thi công số 55/UBND-QLĐT ngày 30/08/2019 do UBND quận 8) cấp.

Cơ sở cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1353/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/12/2019.

➔ Việc xả nước thải vào cống thoát nước chung của thành phố không gây tác động xấu đến các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương. Các tác động của nước thải đến môi trường nước nguồn tiếp nhận là không đáng kể, hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Đối với bụi, khí thải:

Quá trình hoạt động của Công ty có phát sinh bụi, khí thải phát tán ra môi trường từ các nguồn như: Bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi, bụi, khí thải từ hoạt động giao thông vận chuyển,...

Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động lò hơi là những nguồn đáng kể đều được thu gom, xử lý bởi các hệ thống xử lý bụi, khí thải tập trung đảm bảo đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B trước khi phát thải vào môi trường không khí xung quanh.

Đối với các nguồn phát sinh bụi, khí thải khác như: Bụi, khí thải giao thông là những nguồn không đáng kể nhưng cần phải có những biện pháp, xử lý thích hợp.

Nguồn thải trong quá trình sản xuất của Công ty là những nguồn thải cục bộ, mức độ phát sinh thấp. Các nguồn thải này đều được thu gom, xử lý trong phạm vi của Công ty để giảm thiểu ô nhiễm phát thải, tăng khả năng khuếch tán vào không khí.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

Công ty bố trí các phương tiện thu gom, thùng rác chuyên dụng để lưu trữ và phân loại chất thải rắn. Công ty bố trí khu vực chứa rác để phân loại và lưu chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8 để tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

Đối với chất thải nguy hại

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Công ty cam kết sẽ thu gom, phân loại, lưu trữ và chuyển giao lượng chất thải này đúng theo quy định, không thải ra ngoài môi trường, không gây tác động xấu đến con người và môi trường xung quanh.

➔ Qua các đánh giá về sức chịu tải của môi trường không khí, môi trường nước và hiện trạng hoạt động của Công ty cho thấy hoạt động của Công ty là hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải, không gây ảnh hưởng nhiều đến hiện trạng môi trường tự nhiên khu vực xung quanh dự án.

Công ty cam kết sẽ duy trì thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực từ bụi, khí thải, tiếng ồn...tới môi trường không khí xung quanh, đảm bảo đạt các quy định hiện hành.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa trên toàn bộ diện tích mặt bằng của Công ty được tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nguồn phát sinh nước mưa: Từ thời tiết, môi trường

Hệ thống thoát nước mưa tại xưởng hoạt động theo nguyên lý:

- Nước mưa trên mái nhà xưởng chảy vào seno chảy qua lưới chắn rác được thu vào các ống đứng PVC Ø60mm dẫn xuống hệ thống các hố ga thu nước mưa.
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu bằng hệ thống hố ga thu nước mưa dưới lòng đường kích thước 1000x1000mm sau đó theo đường ống PVC Ø60mm dẫn ra hố ga thoát nước chung của khu vực.

Hệ thống thoát nước mưa tại cơ sở được bố trí theo phương thức tự chảy với độ dốc thiết kế $i=2\%$.

Nước mưa được quy ước là nước sạch. Bản thân nước mưa không làm ô nhiễm môi trường, phần lớn nước mưa thấm trực tiếp xuống đất.

Để hạn chế các tác động từ bên ngoài giảm thiểu ảnh hưởng của nước mưa xuống nguồn tiếp nhận, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

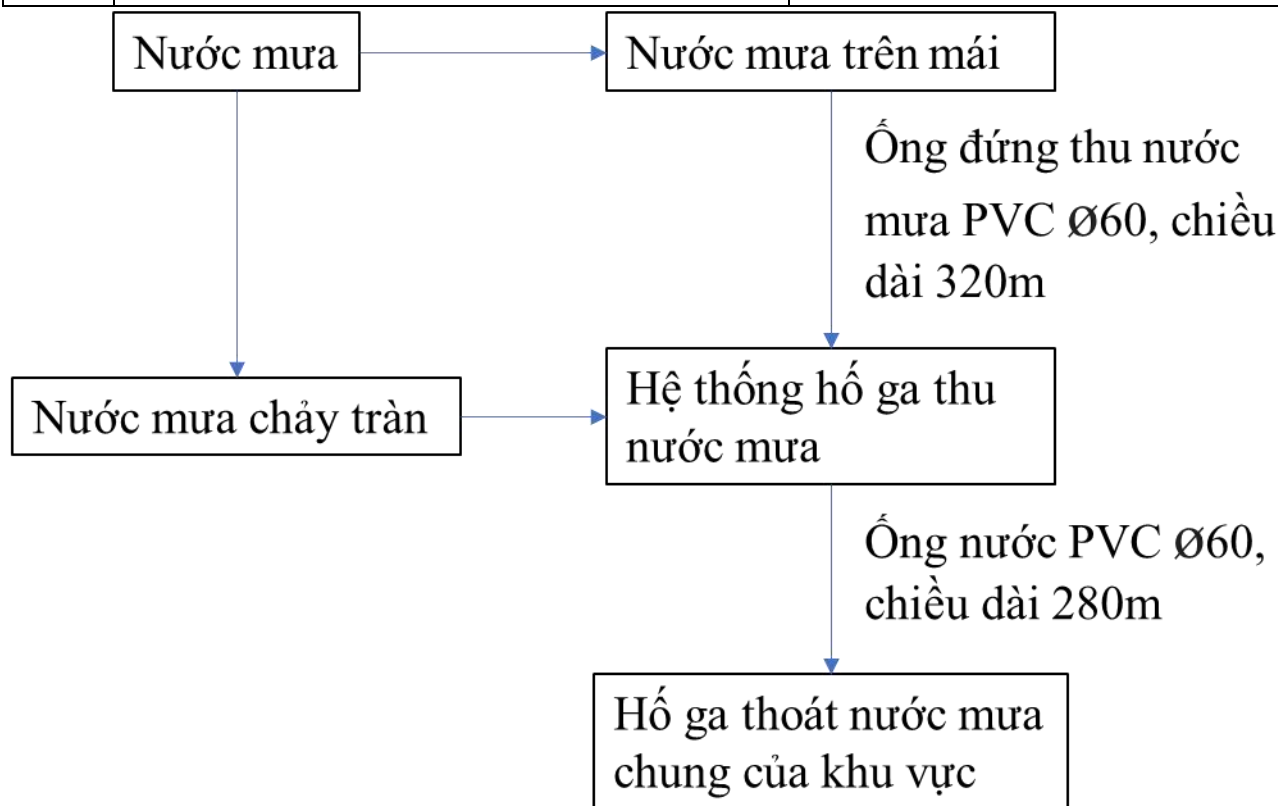
- + Nhà xưởng có hệ thống thu gom nước thải và nước mưa riêng biệt nên hầu như nước mưa không bị ô nhiễm bởi nước thải.
- + Việc bê tông hóa khu đất kết hợp với nhân viên thường xuyên quét dọn xung quanh nên không làm nước mưa ngấm xuống đất cũng như cuốn theo đất đá, bụi xuống cống nước quá nhiều.
- + Thường xuyên nạo vét cống thu theo định kỳ, sửa chữa bảo dưỡng duy tu không để các loại rác thải, chất độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

Với các biện pháp nêu trên đã giảm thiểu ô nhiễm nước mưa chảy tràn qua khu vực. Đảm bảo tiêu thoát tốt, không gây ngập úng nội bộ cũng như khu vực xung quanh.

Vị trí đầu nổi nước mưa: Vị trí điểm đầu nổi nước mưa được thể hiện trên bản vẽ mặt bằng thoát nước của cơ sở (*Đính kèm phần Phụ lục của Báo cáo*). Tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở tại Bảng sau:

Bảng 2. 1. Hệ thống thu gom thoát nước mưa

Stt	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống đứng thu gom nước mưa	Ống PVC Ø60 Chiều dài: 320m
2	Đường ống ngang thu gom nước mưa về các hố ga	Ống PVC Ø60 Chiều dài: 280m
3	Hố ga thu nước mưa của nhà xưởng	Bê tông cốt thép Kích thước: 1000x1000mm Số lượng: 4
4	Hố ga nước mưa đầu nối ra khu vực đường Nguyễn Duy	Bê tông cốt thép: Ø350 Chiều dài: 210m Số lượng: 2



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước



Hình 3. 2. Vị trí hồ ga thu nước mưa của nhà xưởng và ống đứng thu nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt được thu gom tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

Nguồn nước thải sinh hoạt đến từ các hoạt động thông thường của công nhân, từ nhà vệ sinh; không có nước thải trong nhà bếp (cơm trưa được mang từ ngoài vào).

🔗 Công trình thu gom nước thải

Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở được thu gom tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Quy trình thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh được tóm tắt như sau:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm từ các bồn xí, bồn tiểu của các khu vệ sinh, nước thải thoát sàn, nước thải từ chậu rửa được thu gom theo đường ống dẫn PVC D60mm dẫn vào bể tự hoại ba ngăn để xử lý sơ bộ sau đó dẫn vào bể điều hòa của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra môi trường.
- Nước thải từ các lavabo, phễu thu sàn được thu gom theo đường ống dẫn PVC D60mm dẫn vào bể điều hòa của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra môi trường.
- Nước thải phát sinh từ tháp hấp thụ hơi khí từ lò hơi trong quá trình xả đáy, bão hòa không còn khả năng xử lý được Công ty thu gom xử lý như CTNH.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Toàn bộ lượng nước thải sau xử lý của cơ sở sẽ theo ống dẫn PVC D60 dẫn ra hố ga thoát nước chung của khu vực của thành phố. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1.

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom nước thải

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống thu gom nước thải từ các nguồn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120m ³ /ngày.đêm	Kích thước: D = 60mm Vật liệu: Ống PVC Chiều dài: 1000m
2	Hố ga thu gom nước thải xung quanh	Kích thước: D x R x C = 1 x 1 x 1m Kết cấu vật liệu: BTCT Số lượng: 4

 Công trình thoát nước thải

Cấu tạo ống xả nước thải vào nguồn tiếp nhận (*Từ bể xả nước thải đã xử lý của HTXL tới hố ga thoát nước tập trung của khu vực tại hẻm 636-638 đường Nguyễn Duy, phường Xóm Củi, quận 8*) sau đó chảy ra tuyến cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Duy theo đường cống BTCT, D400mm như sau:

+ Ống xả tròn bằng nhựa uPVC, đường kính D60 (*Độ dài ống dẫn từ trạm xử lý nước thải ra đến hố ga thoát nước tập trung của khu vực là 5 m*). Vị trí hố ga này đặt gần trạm xử lý nước thải của Công ty cách nhau bởi tường rào.

+ Số lượng ống xả: 1.

 Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải của cơ sở sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ tự chảy ra hố ga thoát nước tập trung của khu vực (*Tại hẻm 636-638 đường Nguyễn duy, phường Xóm Củi, quận 8*) sau đó chảy ra hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Duy theo đường cống BTCT, D400.

+ Toạ độ vị trí hố ga đầu nối theo VN-2000: X: 1188335, Y: 599094 thuộc Hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 105°45'.

+ Cấu tạo: Cống BTCT, D400.

➔ Việc cho phép xả nước thải và đầu nối này đã được chấp thuận của UBND quận 8 tại (Giấy phép thi công số 55/UBND-QLĐT ngày 30/08/2019) và Công ty cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1353/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/12/2019.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”



Ống dẫn xả nước thải sau xử lý của Công ty từ trạm xử lý ra hố ga thoát nước tập trung của khu vực (Tại hẻm 636 - 638 Nguyễn Duy, phường Xóm Củi, quận 8)



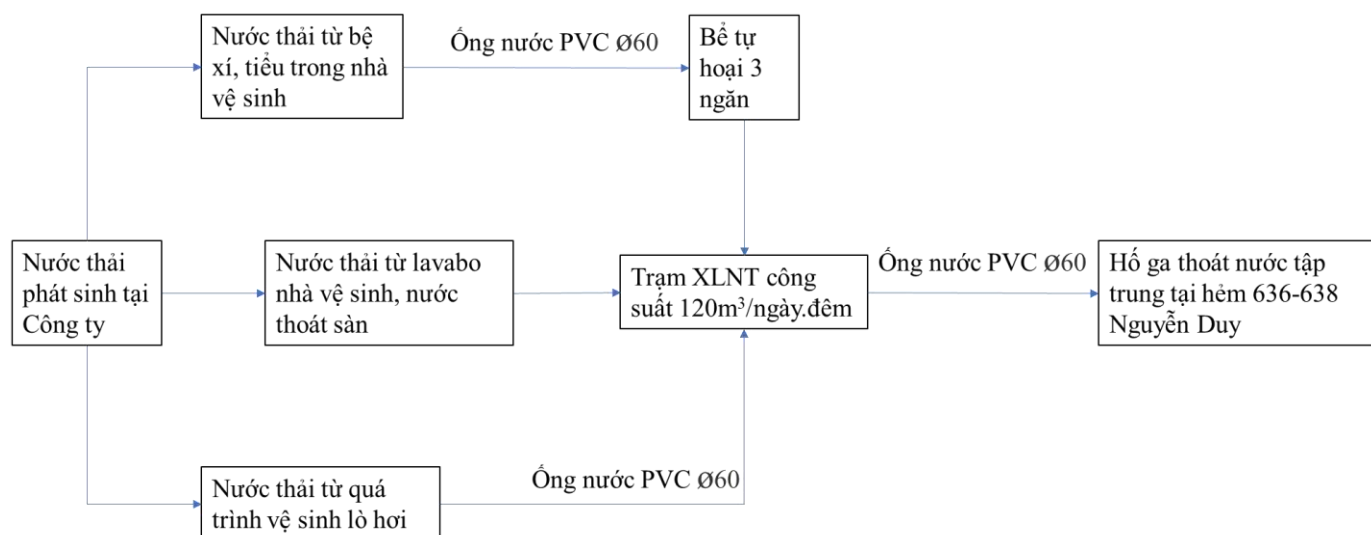
Nước thải theo cống dẫn chung của thành phố dẫn ra hố ga tập trung bên ngoài đường Nguyễn Duy



Hố ga tập trung của thành phố bên ngoài đường Nguyễn Duy

Hình 3. 3. Sơ đồ ống dẫn xả nước thải sau xử lý của Công ty

Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở như sau:

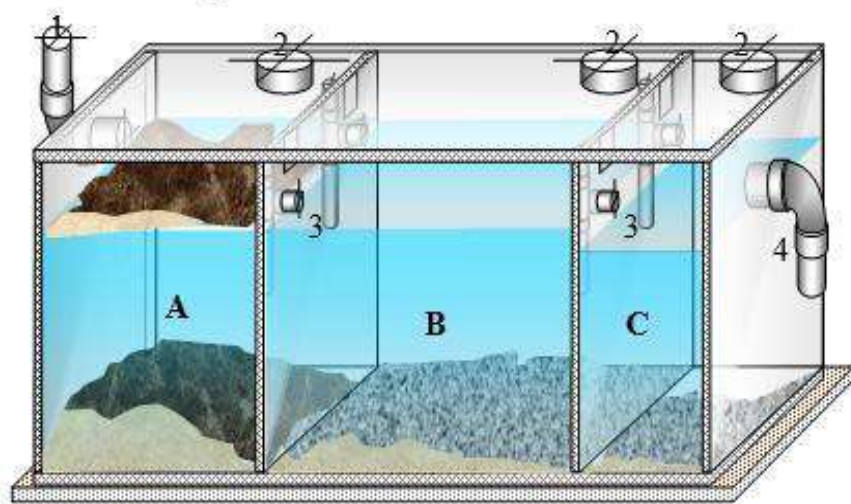


Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải

3.1.3. Xử lý nước thải

🔧 Công trình bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để tiếp tục xử lý. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc như sau:



Ghi chú:

- A: Ngăn chứa
- B: Ngăn lắng
- C: Ngăn lọc
- 1: Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại
- 2: Nắp để hút cặn
- 3: Ống dẫn nước
- 4: Ống dẫn nước thải ra khỏi bể tự hoại

Hình 3. 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại

Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật là một công trình có hai chức năng chính: Lắng và phân hủy cặn lắng, cặn lắng.

Nước thải từ các khu vệ sinh thoát xuống bể tự hoại và qua lần lượt các ngăn trong bể các chất cặn lơ lửng dần lắng xuống đáy bể.

Thời gian lưu nước trong bể dao động 3 - 6 tháng cặn lắng sẽ bị phân hủy yếm khí trong ngăn yếm khí sau đó nước thải qua ngăn lắng và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được thuê xe hút chuyên dùng (Loại xe hút hầm cầu).

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào đầu ra khi bị nghẹt.

Bùn thải từ ngăn chứa của hầm tự hoại mang tính chất không nguy hại. Theo Phụ lục III của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bùn thải này là chất thải rắn thông thường - có mã 12 06 13.

Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao, nước sau khi được xử lý bằng bể tự hoại sẽ theo ống dẫn chảy về hệ thống thoát nước chung của khu vực và được xử lý tại trạm xử lý nước thải.

Quy mô bể tự hoại cơ sở đã xây dựng 2 bể tự hoại 3 ngăn đặt âm tại tầng trệt tổng dung tích 2 bể tự hoại là 3 m³ kết cấu bê tông cốt thép.

Kích thước bể tự hoại số 1: Thể tích = 2 m³

Kích thước bể tự hoại số 2: Thể tích = 1 m³

Công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày. đêm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu của cơ sở công suất 120 m³/ngày đã được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng theo Biên bản ký ngày 20/08/2019 (*Biên bản được đính kèm phần Phụ lục của Báo cáo*).

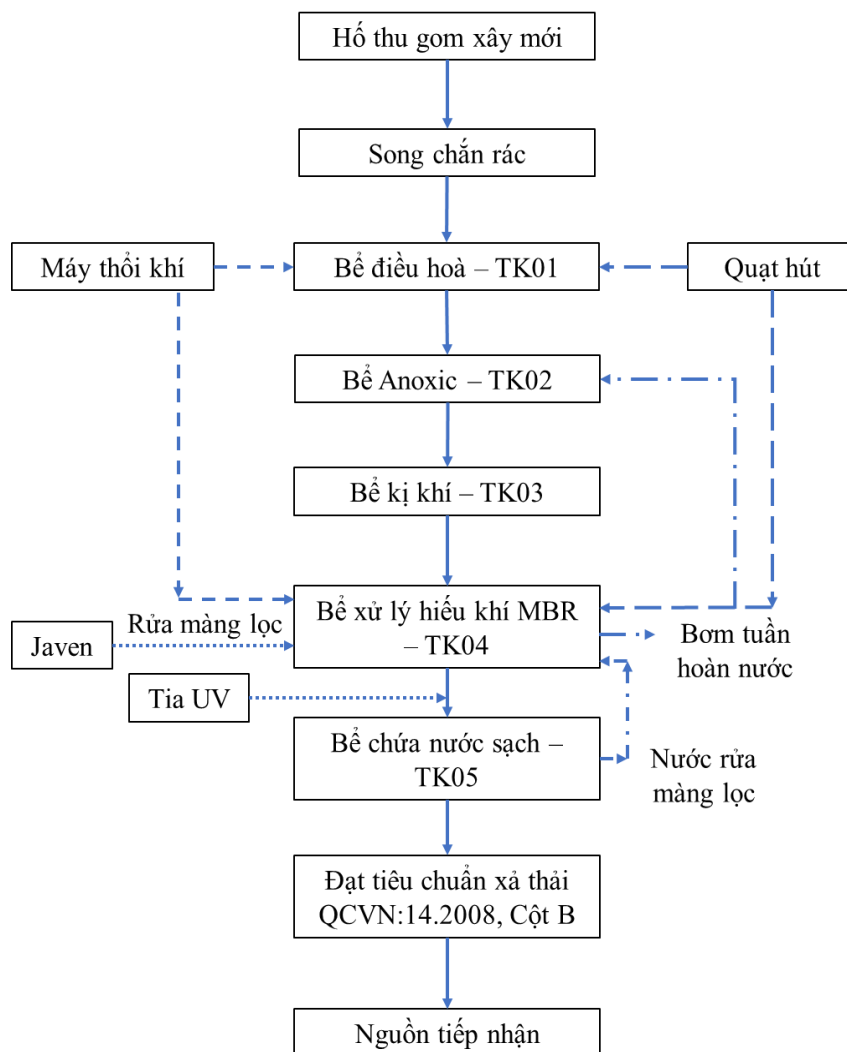
Đơn vị tư vấn thiết kế và thi công xây dựng: Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Sài Gòn Xanh

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất 120 m³/ngày đêm cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1353/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/12/2019.

Cơ sở không thuộc loại hình dự án được quy định trong Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Nên không thuộc trường hợp phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

Chế độ vận hành của hệ thống xử lý: Tự động hoàn toàn, có thể điều chỉnh qua 03 chế độ: OFF-MAN-AUTO.

Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở được trình bày trong sơ đồ dưới đây:



Ghi chú

Đường nước	
Đường khí	
Đường hoá chất	
Đường tuần hoàn	

Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

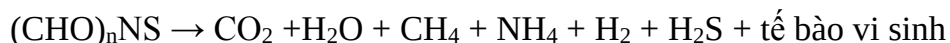
Thuyết minh công nghệ

Nước thải từ các nguồn phát sinh đầu tiên đi qua song chắn rác lắp đặt trước bể điều hòa để loại bỏ các tạp chất lẫn trong nước thải có kích thước lớn. Lượng rác này được vớt định kỳ và thải bỏ chung với rác thải của Công ty.

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tiếp tục cho chảy vào Bể điều hòa. Bể điều hòa kết hợp sục khí có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải. Điều hòa lưu lượng là phương pháp được áp dụng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng, để cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo. Các lợi ích cơ bản của việc điều hòa lưu lượng là: Quá trình xử lý sinh học được nâng cao do không bị hoặc giảm đến mức thấp nhất “shock” tải trọng, các chất ảnh hưởng đến quá trình xử lý có thể được pha loãng và chất lượng nước thải sau xử lý được cải thiện do tải trọng chất thải lên các công trình ổn định. Việc sục khí cung cấp Oxy cho nước thải làm giảm tải lượng ô nhiễm, ngăn chặn quá trình kỵ khí trong nước thải xảy ra mùi. Quạt hút mùi có chức năng hút các mùi hôi thối từ bồn điều hoà, xử lý

Nước thải tiếp tục được bơm qua (Bể Anoxic). Bể này là công trình đơn vị quyết định hiệu quả xử lý của hệ thống vì phần lớn những chất gây ô nhiễm trong nước thải là những chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học. Các vi sinh thiếu khí sẽ loại bỏ hàm lượng Nitơ, Photpho có trong nước thải. Nước thải sau bể Anoxic sẽ tự chảy qua bể kỵ khí.

Nước thải sau khi chảy qua bể kỵ khí, trong quá trình sinh trưởng và phát triển vi sinh vật kỵ khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước, phân hủy và chuyển hoá thành các hợp chất ở dạng khí metan và khí cacbonic, quá trình phân huỷ này không có mặt của oxy. Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn làm các hạt bùn cặn nổi lên trên và xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng. Quá trình phân huỷ kỵ khí có thể mô tả bằng sơ đồ tổng quát:



Sau quá trình xử lý sinh học tại bể kỵ khí, nước thải tiếp tục chảy sang bể hiếu khí kết hợp màng MBR.

Tại bể hiếu khí, quá trình phân huỷ các chất hữu cơ xảy ra khi nước thải tiếp xúc với bùn trong điều kiện sục khí liên tục, việc sục khí tại vùng hiếu khí nhằm đảm bảo các yêu cầu cung cấp đủ lượng oxy cho hoạt động của vi sinh vật và duy trì bùn hoạt tính ở trạng thái lơ lửng bằng cách dùng máy thổi khí và hệ thống phân phối khí được lắp ở đáy bể. Sau thời gian lưu nước thích hợp, nước thải được bơm lọc màng bơm vào các module màng lọc MF.

Màng lọc thực hiện quá trình tách các chất rắn lơ lửng ra khỏi nước sạch, động lực chính là sự chênh lệch áp suất của bên ngoài và bên trong sợi màng. Nước sạch được thấm qua sợi màng và rút ra ngoài nhờ bơm trực ngang.

Định kỳ 3 - 6 tháng, tiến hành vệ sinh màng lọc để loại bỏ cặn bẩn bám trên màng lọc, đồng thời dung javen xử lý vi sinh vật bám trên bề mặt sợi màng.

Bùn dư sinh ra từ quá trình phân huỷ chất hữu cơ được tích lũy trong bể MBR và hút bỏ định kỳ. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở theo Phụ lục III của Thông tư số 02/2022/TT-

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bùn thải này là chất thải rắn thông thường - có mã 12 06 10.

Nước thải sau khi qua màng lọc MF thì được khử trùng bằng tia cực tím (UV). Nước sau khi khử trùng, đạt quy chuẩn đạt tiêu chuẩn nguồn loại B, QCVN 14:2008/BTNMT và đủ điều kiện xả ra nguồn tiếp nhận

Bảng 3. 2. Thông số thiết kế và các vật tư thiết bị của HTXLNT

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Chức năng
1	Bể điều hòa	Vật liệu: Bồn Composit Thể tích hữu dụng: 22.5m ³ Thời gian lưu: 4.1 giờ Tình trạng: Chế tạo mới Số lượng: 01 bể Thiết bị: – Song chắn rác – Đĩa phân phối khí, bơm chìm, phao mực nước – Máy thổi khí dùng lại WP01-A/B luân phiên hoạt động	01 bể	Điều hòa lưu lượng và nồng độ chất thải giảm kích thước các công trình đơn vị tiếp theo tăng tính ổn định cho hệ thống xử lý
2	Bể thiếu khí (Anoxic)	Vật liệu : Bồn composit Thể tích hữu dụng: 18.3 m ³ Thời gian lưu: 3 giờ Tình trạng: Chế tạo mới Số lượng: 01 bể Thiết bị: 01 motor khuấy trộn (làm mới) và Trục, cánh khuấy, support	01 bể	Xử lý thành phần ô nhiễm Nitơ, Photpho
3	Bể Ky khí	Vật liệu: Bồn composit Thể tích hữu dụng : 3.3 m ³ Thời gian lưu: 0.66 giờ Tình trạng: Chế tạo mới Số lượng: 01 bể	01 bể	Dựa vào hoạt động của vi sinh kỵ khí chuyển hoá chất ô nhiễm hữu cơ thành metan và khí cacbonic.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Chức năng
4	Bể sinh học hiếu khí MBR	Vật liệu: Bồn Composit Thể tích hữu dụng: 26.8 m ³ Thời gian lưu: 5 giờ Tình trạng: Chế tạo mới Thiết bị : – 02 máy thổi khí (cấp mới) – Đĩa phân phối khí và đường ống phân phối (cấp mới) – Màng lọc MBR – Bơm màng lọc, rửa màng – Khung đỡ màng lọc – Bơm nước thải – Bơm định lượng rửa màng – Bồn chứa hóa chất rửa màng	01 bể	Dựa vào hoạt động của vi sinh hiếu khí và màng lọc tách các chất rắn lơ lửng ra khỏi nước sạch, loại bỏ các thành phần ô nhiễm
5	Bể chứa nước sạch	Vật liệu: Bồn composit Thể tích hữu dụng: 1.03 m ³ Thời gian lưu : 0.21 giờ Tình trạng: Chế tạo mới Số lượng: 01 bể Thiết bị: Đèn UV	01 bể	Chứa nước thải sau xử lý.

(Nguồn: Thuyết minh công nghệ trạm XLNT)

Bảng 3. 3. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Stt	Hạng mục	ĐVT	SL
A	Mạng lưới thu gom		
1.1	Bơm nước thải hồ ga HG + Dạng bơm chìm Công suất Q = 12 m ³ /h; H = 8 m Điện áp: 0,75 KW - 3pha/380v/50Hz + Van 1 chiều. + Rắc co + Phao mực nước Model: F - 21U	Bộ	1

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Stt	Hạng mục	ĐVT	SL
1.2	Bơm nước thải hồ ga HG - 04 + Dạng bơm chìm Công suất Q = 12 m ³ /h; H = 8 m Điện áp: 0,75 KW - 3pha/380v/50Hz + Van 1 chiều. + Rắc co + Phao mực nước Model: F - 21U	Bộ	1
1.3	Bơm nước thải hồ ga HG - 01, 02, 03. + Dạng bơm chìm Công suất Q = 12 m ³ /h; H = 14 m Điện áp: 1.5 KW - 1pha/220v/50Hz + Van 1 chiều. + Rắc co + Phao mực nước Model: FN-22U	Bộ	3
1.4	Giỏ lược rác Vật liệu: inox SUS304 Kích thước: 300mm x 300mm x 400mm Mắc lưới 1mm	Bộ	4
1.5	Tủ điện bơm hồ gom + CB + Khởi động từ + Đèn báo, công tắc	Bộ	4
B	Phần chế tạo lắp đặt thiết bị		
1	Thiết bị xử lý		
1.1	Quạt hút mùi Lưu lượng: 1900 - 2400 m ³ /h. Áp suất: 500-300 Pa Tốc độ vòng quay: 1450 vòng/phút. Công suất: 370W. Model: CEP-1-2,8I	Bộ	1
1.2	Hệ thống đường ống thông gió	hệ	1
2	Bể điều hòa		
2.1	Bơm nước thải Dạng bơm chìm Công suất Q = 9 m ³ /h; H = 6 m Điện áp: 0,4 KW - 3pha/380v/50Hz Model: F - 05U	Bộ	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Stt	Hạng mục	ĐVT	SL
2.2	Giỏ lược rác Vật liệu: inox SUS304 Kích thước: 400mm x 400mm x 500mm	cái	2
2.3	Đĩa thổi khí thô SSI Lưu lượng 5- 26 m ³ khí/h Vật liệu: màng cao su EPDM khung ngoài nhựa ABS Đường kính 127mm	cái	6
3	Bể thiếu khí		
3.1	Motor khuấy trộn Kiểu : Motor khuấy Tốc độ: 132 vòng/phút Điện áp: 0.4 KW - 3pha/380v/50Hz	Cái	1
3.2	Trục, Cánh khuấy, Support Trục, cánh khuấy: SUS 304	bộ	1
4	Bể sinh học hiếu khí		
4.1	Máy thổi khí Công suất Q = 2.2m ³ /phút; H =3.0m Điện áp: 3,7 kW - 3pha/380v/50Hz.	bộ	2
4.2	Đĩa thổi khí SSI Lưu lượng 0 - 10m ³ khí/h Vật liệu: màng cao su EPDM khung ngoài nhựa ABS Đường kính 270mm (9inch)	cái	10
4.3	Màng lọc MBR - Loại: đặt chìm trong nước - Diện tích: 22m ² /module - Công suất:12 m ³ /module.ngày - Vật liệu sợi: Polyvinylidene fluoride - Khoảng pH làm việc: 5 - 9 - Khoảng MLSS: 5,000 - 12,000 mg/l	module	12
4.4	Bơm lọc màng - rửa màng Kiểu bơm: trục ngang Công suất Q = 19m ³ /h; H = 15 m Điện áp:1.5KW - 3pha/380v/50Hz Model: SWO - 220T	bộ	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Stt	Hạng mục	ĐVT	SL
4.5	Khung đỡ màng lọc Vật liệu: Inox 304	hệ	1
4.6	Phụ kiện hệ màng: Van điện, đồng hồ áp suất âm, đồng hồ nước	hệ	1
4.7	Bơm nước thải Công suất Q = 9 m ³ /h; H = 6 m Điện áp: 0,4 KW - 3pha/380v/50Hz Model: F - 05U	Bộ	2
4.8	Bơm định lượng rửa màng Lưu lượng: 155L/h, Cột áp: 10 bar. Model: M155PPSV	Bộ	1
5	Khử trùng nước thải		
5.1	Đèn UV - Công suất: 55W - Điện áp: 1pha/220v/50Hz	Bộ	1
6	Hệ thống đường ống công nghệ		
6.1	Hệ thống đường ống công nghệ - Ống uPVC các loại, Phụ kiện các loại.	hệ	1
7	Hệ thống điện		
7.1	Tủ điện điều khiển - Vỏ tủ: Việt Nam - Linh kiện chính: LS - Hàn Quốc, Omron - Nhật (sản xuất Trung Quốc) - Bộ điều khiển: PLC Siemens - Đức (Sản xuất tại Trung Quốc).	Cái	1
7.2	Dây cáp điện Cadivi- VN	Bộ	1

(Nguồn: Thuyết minh công nghệ trạm XLNT)

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Các loại hoá chất, chế phẩm sinh học của quá trình vận hành hệ thống nước thải

Bảng 3. 4. Hoá chất, chế phẩm sinh học cho quá trình vận hành HTXLNT

Stt	Hóa chất, chế phẩm sinh học	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng	Công đoạn sử dụng	Nhiệm vụ
1	NaOCl (Javel) 0.03%	Lít/tháng	250	Bể sinh học màng MBR	Pha với nước rửa màng MBR
2	Na ₂ CO ₃	Lít/tháng	40	Bể thiếu khí	Trung hòa nước thải cân bằng pH
3	Dinh dưỡng nuôi vi sinh (cám gạo)	Kg/tháng	5	Bể thiếu khí	Tạo cơ chất cho vi sinh phát triển

(Nguồn: Thuyết minh công nghệ trạm XLNT)



Tủ điện điều khiển HTXLNT



Tổng quan khu vực điều khiển HTXLNT

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”



Hệ thống đường ống đầu vào HTXLNT



Hệ thống đường ống ra hồ ga đầu nổi



Bồn hoá chất sử dụng cho HTXLNT



BỂ MBR



Bể điều hoà



Bể Anoxic



Bể kỵ khí



Bể nước sau xử lý

Hình 3. 7. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải hiện hữu công suất 120m³/ ngày

 Đánh giá hiệu quả xử lý của HTXLNT hiện hữu:

Căn cứ vào kết quả quan trắc chất lượng nước thải định kỳ sau xử lý Tháng 12 năm 2024 cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau hệ thống xử lý đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Điều này cho thấy hệ thống XLNT của cơ sở đang hoạt động tốt, đảm bảo hiệu quả xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Công ty sẽ tiếp tục duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và định kỳ bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo hiệu quả xử lý theo đúng quy định. Kết quả phân tích được thể hiện qua bảng dưới đây:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

TT	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số										
		pH	TSS	TDS	BOD ₅	Amoni	Nitrat	Photphat	Coliform	Sunfua	Dầu mỡ ĐTV	Chất hoạt động bề mặt
		-	mg/l	mg/l	mgO ₂ /l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100ml	mg/l	mg/l	mg/l
THÁNG 12 NĂM 2024												
3	Nước thải sau hệ thống xử lý	7,40	23	344	15	9,7	7,5	1,8	1000	KPH	KPH	KPH
QCVN 14:2008/BTNMT, cột B		5-9	100	1.000	50	10	50	10	5.000	4	20	10

(Nguồn: Công ty TNHH KHCN và PTMT Phương Nam)

Lưu lượng nước thải của Công ty đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố tương đối ít, không đáng kể, nằm trong giới hạn cho phép.

➔ Việc xả nước thải vào cống thoát nước chung của thành phố không gây tác động xấu đến các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương. Các tác động của nước thải đến môi trường nước nguồn tiếp nhận là không đáng kể, hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Công tác bảo trì và vận hành hệ thống XLNT

Để đảm bảo cho hệ thống XLNT hoạt động hiệu quả, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra thì Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Sài Gòn Xanh để thực hiện công tác bảo trì và vận hành hệ thống xử lý (*hợp đồng đính kèm Phụ lục Báo cáo*).

3.2. Bụi, khí thải khu vực lò hơi

Một số thay đổi của cơ sở hiện tại so với Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp như sau:

Bảng 3. 5. Bảng so sánh số lượng lò hơi

Stt	Theo Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường	Hiện nay
1	Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004 (9 lò hơi điện)	3 lò hơi chạy bằng dầu DO

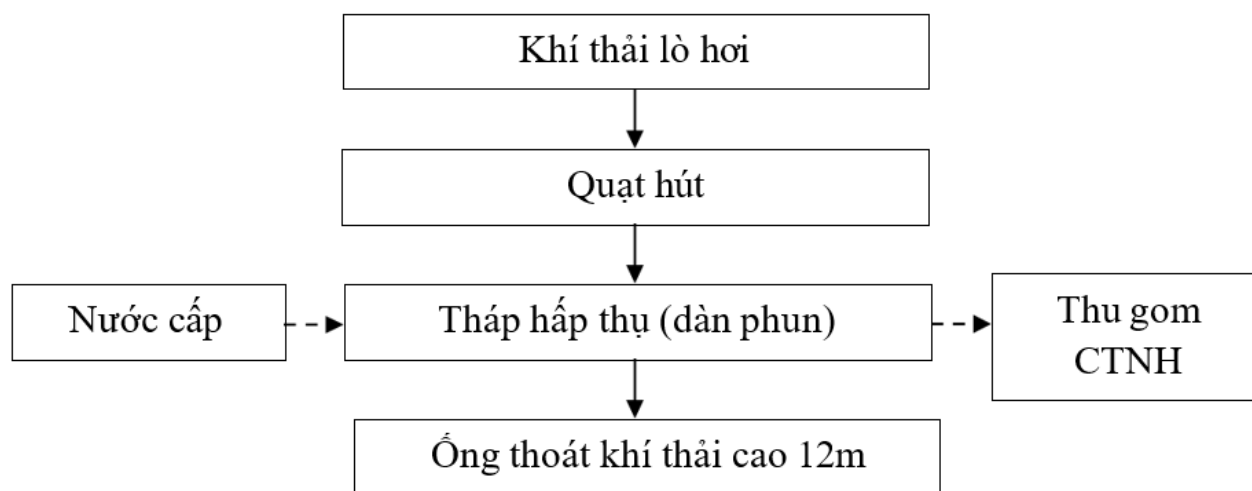
Cơ sở hiện tại sử dụng 03 lò hơi chạy bằng dầu DO có công suất 0.75 tấn/h và lượng bụi, khí thải xả ra môi trường qua 1 ống khói thải chung.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444, Cơ sở dự tính lắp đặt 9 lò hơi điện. Tuy nhiên, Cơ sở đã lắp đặt 3 lò hơi DO do chi phí lắp đặt lò hơi điện rất lớn, cần sử dụng trạm điện riêng, trong khi lò hơi điện chạy bằng dầu có chi phí lắp đặt và vận hành thấp hơn.



Hình 3. 8. Lò hơi hiện hữu của cơ sở

Để giảm thiểu nguồn tác động này, không làm ảnh hưởng đến môi trường, người lao động cũng như hoạt động của cơ sở, chủ cơ sở đã đầu tư xây lắp hệ thống thu gom xử lý khí thải của lò hơi với quy trình công nghệ như sau:



Hình 3. 9. Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

3.2.1. Thuyết minh quy trình công nghệ

Khí thải lò hơi được quạt hút thổi vào tháp hấp thụ dập bụi kiểu ướt.

Tại tháp hấp thụ, bụi, khí thải sẽ được tiếp xúc với nước hấp thụ được cấp vào tháp nhằm loại bỏ bụi và khí thải. Bụi, khí thải đi từ dưới lên, dòng nước được phun từ trên xuống tiếp xúc với dòng khí (tiếp xúc giữa pha khí và pha nước) trong khoảng không gian của tháp.

Trong tháp hấp thụ có bố trí hệ thống phun nước để hấp thụ các chất có trong dòng khí thải. Bụi và khí thải sẽ được giữ lại nhờ các quá trình khuếch tán, va đập và tiếp xúc vào trong các giọt nước.

Mật khác nhiệt từ khí thải cũng giảm xuống đáng kể nhờ quá trình phun nước tại khoảng không gian rộng của tháp. Dòng nước được thu về bể chứa dung tích 1 m³ và tuần hoàn bơm lên tháp để tiếp tục xử lý bụi khí thải. Nước được định kỳ bổ sung vào nước hấp thụ để bổ sung cho lượng phản ứng và bay hơi.

Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,6$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận qua ống thải cao 12 m.

Tháp lọc bụi khử được nhiều loại bụi với hiệu suất khá cao có thể đạt từ 80 - 90%.

Nước sau quá trình hấp thụ sẽ được tuần hoàn để sử dụng lại, phần hao hụt được bổ sung (hao hụt do bay hơi). Theo số liệu từ hoạt động sản xuất thực tế tại cơ sở thì trung bình 1 tháng lượng nước hấp thụ này sẽ bị bảo hòa và thay mới 1 lần. Lượng nước thay mới định kỳ là 1 m³.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Để lấy nước thải có chứa bụi ra ngoài, tại bể lắng gắn một van để xả. Định kỳ, mở các van này để xả nước thải có chứa bụi ra và thu gom. Lượng nước thải này được thu gom như CTNH. Theo Phụ lục III của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì chất thải này là chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát KS - có mã 19 10 01.

Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống dẫn khói chung vào bể	01 cái	Vật liệu: Thép CT3 Kích thước: D350 mm Chiều dài: 15m
2	Quạt hút ly tâm	01 cái	Lưu lượng: 12.000 m ³ /giờ Áp suất: 1.200 Pa
3	Tháp hấp thụ	01 cái	Vật liệu: Thép CT3 Kích thước: D3000 mm
4	Bể chứa nước tuần hoàn	01 bể	Kích thước: DxR = 1x1 m
5	Ống thoát bụi, khí thải chung sau xử lý	01 cái	Vật liệu: Tôn mạ kẽm - độ dày 0,8mm Đường kính: D400mm Chiều cao: 12m tính từ mặt đất

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

Nhiên liệu sử dụng cho lò hơi là dầu DO (0,05%S) là nhiên liệu sạch được khuyến khích sử dụng nên nồng độ phát sinh không đáng kể, thân thiện với môi trường.



Hình 3. 10. Ống khói thoát ra của hệ thống xử lý khí thải lò hơi

3.2.2. Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất

Nồng độ bụi phát sinh tại công đoạn cắt - may được đánh giá là rất thấp, tác động không đáng kể đến người lao động. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động đến mức thấp nhất, cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí nhân viên vệ sinh thường xuyên quét dọn và thu gom bụi thừa trên nền nhà xưởng để hạn chế bụi lơ lửng.
- Trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân.
- Thường xuyên bảo trì, kiểm tra máy móc, thiết bị.
- Các loại máy móc cũ, tuổi thọ giảm sẽ tiến hành sửa chữa hoặc thay thế mới.
- Phân chia hoạt động và nhân lực để tránh chồng chéo giữa các quy trình thực hiện.
- Tập huấn, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động và nhắc nhở các trường hợp vi phạm quy định.
- Vệ sinh thường xuyên khu vực sản xuất.
- Hàng hóa, nguyên vật liệu được đặt cẩn thận, phân bố các khu vực riêng biệt.
- Áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại, tự động/bán tự động trong sản xuất để giảm thiểu lượng lao động đứng máy.
- Toàn bộ khuôn viên cơ sở đã được trồng các loại cây xanh để tạo cảnh quan cũng như cây xanh sẽ hấp phụ một phần các chất ô nhiễm trong không khí, làm sạch không khí, điều hòa vi khí hậu.

3.2.3. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động ra vào Cơ sở

Nồng độ khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ngoài sự phụ thuộc vào tính chất của loại nhiên liệu sử dụng còn phải phụ thuộc vào động cơ của các phương tiện. Nhằm hạn chế tối đa mức ảnh hưởng của nguồn ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển gây ra vào khu vực Công ty, Công ty đã áp dụng các biện pháp thích hợp như sau:

- + Thường xuyên phun nước tưới ẩm và vệ sinh các tuyến đường giao thông ra vào Trung tâm nhằm hạn chế khả năng phát tán của bụi theo gió phát tán từ mặt đường vào không khí khi có các phương tiện vận tải đi qua trong những ngày nắng.
- + Đường nội bộ trong cơ sở được bê tông hóa và thường xuyên kiểm tra, sửa chữa khu vực sân đường bị xuống cấp có khả năng phát tán bụi.
- + Không được chở quá trọng tải và để xe máy cũng như ô tô nổ máy quá lâu trong khuôn viên Công ty.
- + Bố trí mảng xanh trong khuôn viên cơ sở để điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như: SO₂, CO₂, hợp chất chứa Nitơ, Photpho...
- + Đối với các phương tiện của nhân viên và thuộc sở hữu của cơ sở cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để hạn chế phát tán vào không khí.

3.2.4. Giảm thiểu tác động do khí, mùi hôi từ khu vực xử lý nước thải, khu vực tập kết chất thải rắn, hệ thống thu gom nước thải

Nhằm giảm thiểu mùi hôi phát sinh của khu vực xử lý nước thải, khu vực tập kết chất thải rắn, hệ thống thu gom nước thải Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

– **Khu vực xử lý nước thải:** Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở được xây dựng nằm cách xa khu vực sản xuất và văn phòng và có ống thông khí đảm bảo chiều cao, thoát khí không gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người và môi trường xung quanh nên tác động tiêu cực gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khá nhỏ. Công ty tuân thủ đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm đảm bảo, hiệu quả xử lý và hạn chế mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải. Tại Hệ thống xử lý nước thải có trang bị một Quạt hút có chức năng thổi mùi hôi từ HTXLNT ra môi trường bên ngoài.

Phân bùn thải sau khi xử lý được Công ty thuê đơn vị có chức năng, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

– **Khu vực tập kết chất thải rắn:** Công ty bố trí khu chứa chất thải rắn, có dán nhãn tùy theo từng loại chất thải rắn phát sinh.

Khu vực xây dựng nằm cách xa khu vực sản xuất và văn phòng, khu vực này được thu dọn vệ sinh mỗi ngày. Nên tác động ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ, công nhân viên, công nhân là không đáng kể.

Bên cạnh đó, Công ty bố trí thùng chứa rác có nắp đậy kín, thường xuyên vệ sinh các thùng chứa rác tập trung, đối với các thùng rác nhỏ tại nguồn được trang bị bọc đựng cho từng thùng.

Rác thải sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại hàng ngày được phân loại, thu gom vào các túi chuyên dụng và chuyển đến nhà chứa rác của cơ sở.

– **Hệ thống thu gom nước thải:** Định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế mùi hôi phát sinh ra môi trường xung quanh.

– Sử dụng các chế phẩm vi sinh (chế phẩm EM) xử lý và hạn chế phát sinh mùi tại các nguồn như khu tập trung rác thải sinh hoạt, khu vệ sinh chung, khu xử lý nước thải.

– Tại mỗi khu vệ sinh thường xuyên được dọn rửa và khử mùi, thay thế những nắp cống hỏng, định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi trường không khí khu vực.

– Đối với mùi phát sinh từ hệ thống cống thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được xây dựng là hệ thống cống kín nên cũng hạn chế được mùi phát sinh. Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời các chỗ bị rò rỉ, tránh khí thoát ra môi trường gây mùi hôi.

3.3. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Quản lý chất thải rắn theo đúng quy chế quản lý của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong cơ sở được tiến hành phân loại tại nguồn trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt được phân thành 3 loại: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 75, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, có dán nhãn phân loại.

Công ty bố trí các thùng rác dung tích 50 lít, có túi lót bên trong chống rò rỉ đặt dọc theo sân đường, nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng... để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Các loại rác được phân loại giữa rác tái chế, rác thực phẩm và các rác thải sinh hoạt khác, bỏ ra từng bao khác nhau và để tập trung tại 1 điểm với diện tích 2 m²

Cuối ngày, lượng rác này được nhân viên vệ sinh phụ trách của cơ sở tập trung vào các thùng chứa dung tích 660 lít, dạng xe đẩy để lưu chứa trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung của cơ sở được để ở khu vực gần máy bơm dự phòng của hệ thống PCCC, sau đó để gom lại ở khu vực bên ngoài và có xe rác đến lấy

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở trung bình khoảng 3.041 kg/tháng.

Biện pháp xử lý: Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 8 để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*Theo hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 001197/01/2025/HĐ-DVCI ngày 02/01/2025 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 8*).

+ Địa chỉ: Số 907 đường Phạm thế Hiển, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Thời gian hợp đồng: Từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025.

+ Tần suất thu gom: 1 lần/ ngày.



Hình 3. 11. Điểm tập trung rác thải sinh hoạt của Cơ sở

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong cơ sở bao gồm: Vải vụn, vải thừa,... Những chất thải này không dính chất thải nguy hại được Công ty thu gom, phân loại vào cuối ngày và sau đó được đưa về khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường để lưu chứa.

Bảng 3. 7. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động

Stt	Tên chất thải	Khối lượng trung bình (kg/tháng)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì vải thải	100	Rắn	18 01 10	TT-R
Tổng		100			

Ghi chú: Ký hiệu -R được ghi ngay sau TT là nhóm chất thải được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 65, Nghị định số 05/2025/NĐ - CP (Nguồn: Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

Công ty đã bố trí khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 10 m² có nền tráng xi măng, mái che bằng tôn, cửa ra vào bằng cửa tôn và được dán ký hiệu phân loại.

- Biện pháp xử lý:

Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường với Hộ kinh doanh Lê Dương Nghĩa Hiệp để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*Theo hợp đồng dịch vụ số 01-HN/PL/2025 ngày 10/12/2024 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Hộ kinh doanh Lê Dương Nghĩa Hiệp*).

+ Địa chỉ: D22/589 Ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Thời gian hợp đồng: Từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025.

+ Tần suất thu gom: 2 lần/tuần



Hình 3. 12. Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Riêng với bùn thải từ bể tự hoại và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải: Do công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt không sử dụng hoá chất nguy hại nên lượng bùn sinh ra từ hệ thống không mang tính chất nguy hại, lượng bùn sinh ra từ bể chứa bùn và bùn dư từ bể tự hoại là chất thải rắn thông thường.

Dựa trên phụ lục III của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bùn thải này là chất thải rắn thông thường có mã 12 06 10

Khối lượng, chủng loại của bùn:

Bảng 3. 8. Bảng khối lượng chất thải bùn

Stt	Tên chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bể tự hoại	1.000	Bùn	12 06 10	TT
Tổng		1.000			

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

Lượng bùn thải này định kỳ được Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng để hút và xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau nhiễm TPNH, hộp mực in thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, bao bì cứng thải bằng kim loại,...

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.003383.T ngày 09/01/2015.

Tổng khối lượng chất thải nguy hại theo dự báo và phát sinh năm 2021, năm 2022 của Siêu thị được thống kê như sau:

Bảng 3. 9. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh vào năm 2024

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Số lượng (Kg/năm)		Ký hiệu phân loại
				Theo đề xuất cấp GPMT kg/năm	năm 2024	

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	12	-	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50	7	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20	10	NH
4	Pin thải	Rắn	16 01 12	10	-	NH
5	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 10 01	10	30	KS
6	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	5	-	KS
7	Bùn thải pha loãng có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh lò hơi	bùn	04 02 05	30	-	KS
Tổng cộng				137	47	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Hữu Nghị)

Ghi chú: Mã chất thải công nghiệp phải kiểm soát được ký hiệu là **KS**: Cần áp dụng ngưỡng CTNH (Hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

Mã chất thải nguy hại trong mọi trường hợp được ký hiệu là **NH**.

(Nguồn: Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

 Biện pháp thu gom, lưu trữ:

Tại khu vực nhà chứa chất thải nguy hại của cơ sở có bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại chuyên dụng, loại 30 lít để lưu chứa trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Khu vực chứa CTNH được xây dựng với diện tích diện tích 5 m² nền nhà tráng xi măng cao ráo, chống thấm, mái che lợp tôn, có hàng rào chắn cảnh báo, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, có dán nhãn định danh trên từng thiết bị chứa tương ứng đối với từng loại chất thải nguy hại và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.

Theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 72 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Yêu cầu về quản lý chất thải “Chủ nguồn thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật”.

Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 24, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định “Việc phân loại chất thải thực hiện theo Danh mục chất thải quy định tại Khoản 1 Điều này” Việc phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn thông thường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại.

Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại; trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật đối với một số tính chất và thành phần nguy hại nhất định thì áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ môi trường của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển”.

Hiện các chất thải công nghiệp có kiểm soát có ký hiệu phân loại chất thải KS phát sinh tại cơ sở chưa có kết quả phân định thành phần nguy hại theo quy định nên sẽ được quản lý và xử lý cùng với các loại chất thải nguy hại khác phát sinh tại cơ sở.

Biện pháp xử lý:

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Môi trường Tân thiên Nhiên (Theo hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 291/2025/HĐKT/TTN-TM ngày 24/03/2025 giữa Công ty Cổ phần May Hữu Nghị và Công ty Cổ phần Môi trường Tân thiên Nhiên) để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

+ Địa chỉ: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Thời hạn hợp đồng: Từ 24/03/2025 đến 23/03/2026.

+ Tần suất thu gom: Theo yêu cầu của bên Công ty.

Trong quá trình giao nhận chất thải nguy hại với đơn vị thu gom xử lý theo hợp đồng ký kết Công ty sẽ tuân thủ quy định giao nhận và lưu trữ chứng từ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Báo cáo quản lý CTNH lồng ghép vào trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, UBND quận 8 để quản lý và theo dõi.



Hình 3. 13. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại cơ sở

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn và rung động phát sinh từ khu vực xưởng sản xuất chủ yếu từ các máy móc hoạt động sản xuất, từ phương tiện vận chuyển, từ quá trình bốc dỡ, di chuyển nguyên liệu cũng như sản phẩm...ảnh hưởng đến công nhân trong nội bộ sản xuất. Tuy nhiên nguồn ồn là không liên tục do vậy để giảm bớt tiếng ồn từ hoạt động sản xuất Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp quản lý nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng có thể có của tiếng ồn và rung động tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất. Các biện pháp áp dụng cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

- Trang bị các dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại nhằm giảm tối đa khả năng phát sinh tiếng ồn.
- Bố trí dây chuyền máy móc, thiết bị hợp lý và chuyên môn hóa nhằm tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung và nhiệt độ cụ thể là tách biệt mỗi công đoạn sản xuất chính bố trí trong một khu vực riêng biệt, cách xa nhau.
- Các loại máy móc, thiết bị dễ gây ra va chạm có khả năng gây ồn đã được gắn thêm các đế lót cao su nhằm giảm bớt âm thanh phát ra và giảm rung động.
- Vận hành máy móc, thiết bị tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật.
- Máy móc, thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng nhằm hạn chế tiếng ồn, thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất, tra dầu mỡ bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, giữ cho các máy ở trạng thái hoàn thiện: Siết chặt bu lông, đinh vít.
- Kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị, máy móc trên nền nhà xưởng trong quá trình sản xuất và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Đối với những công nhân trực tiếp sản xuất tại khu vực ô nhiễm tiếng ồn sẽ được trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế những tác hại cho công nhân. Các trang phục này bao gồm: Nút tai chống ồn,...
- Luân phiên thời gian đứng vận hành máy theo đúng quy định đối với các mức ồn khác nhau theo quy định của Tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

Đối với các phương tiện ra, vào khu vực xưởng:

- Phân phối luồng xe vào ra xưởng theo hướng giảm phát sinh tiếng ồn đồng thời xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm, không bóp còi.
- Các phương tiện vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu tắt máy trong suốt thời gian bốc dỡ hàng hóa.
- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế việc va chạm mạnh trong quá trình di chuyển.
- Các phương tiện vận chuyển được đăng kiểm theo định kỳ.

Đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Các máy móc thiết bị phát sinh ồn của hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy bơm...) được đặt trong nhà điều hành của trạm xử lý và được bố trí khu vực riêng.
- Định kỳ bảo trì bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Tần suất 3 tháng/lần.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Đối với bể tự hoại

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

3.6.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung

Công ty có bố trí cán bộ chuyên môn phụ trách về hệ thống xử lý nước thải thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, kiểm tra và bảo dưỡng hoạt động của máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải để tránh các sự cố liên quan. Cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình XLNT.

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải.
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên tại hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện và ứng phó khi có sự cố.
- Báo ngay cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Sử dụng thiết bị dự phòng (bơm và máy thổi khí) để sử dụng trong trường hợp trạm xử lý nước thải gặp phải sự cố để quá trình vận hành không bị gián đoạn.
- Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Bảng 3. 10. Cách xử lý sự cố và bảo trì thiết bị

TT	Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bơm chìm nước thải không hoạt động hoặc hoạt động nhưng không lên nước	○ Chưa cấp điện cho bơm ○ Nước trong bể quá ít. ○ Bơm bị cháy hoặc chạm ○ Bơm bị nghẹt rác. ○ Phao điện không hoạt động ○ Rơ le bị cháy ○ Nghẹt ống nước	○ Kiểm tra và đóng tắt cả thiết bị điện điều khiển bơm. ○ Kiểm tra mực nước trong bể ○ Mang bơm đi sửa ○ Vệ sinh bơm. ○ Kiểm tra phao hoặc thay phao mới ○ Thay mới Rơ le của thiết bị ○ Khóa van tuần hoàn bơm điều hòa 10s sau đó mở lại
2	Máy thổi khí không hoạt động; hoặc khí ra ít.	○ Máy bị cháy ○ Ống hút bị nghẹt ○ Rơ le bị cháy	○ Kiểm tra và sửa chữa ○ Dùng vòi nước sạch thông đường hút khí. ○ Thay mới Rơ le của thiết bị
3	Bơm lọc màng không hoạt động hoặc hoạt động nhưng không lên nước	○ Chưa cấp điện cho bơm ○ Nước trong bể quá ít. ○ Bơm bị cháy hoặc chạm ○ Phao điện không hoạt động ○ Rơ le bị cháy	○ Kiểm tra và đóng tắt cả thiết bị điện điều khiển bơm. ○ Kiểm tra mực nước trong bể ○ Mang bơm đi sửa ○ Kiểm tra phao hoặc thay phao mới ○ Thay mới Rơ le của thiết bị
4	Đèn UV không sáng	○ Đèn bị hỏng ○ Bộ điều khiển hỏng	○ Kiểm tra đèn ○ Kiểm tra bộ điều khiển

3.6.3. Đối với tủ điện điều khiển

Khi có một thiết bị trong hệ thống có sự cố thì việc cần phải làm là cách ly thiết bị ra khỏi hệ thống để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa.

Để cách ly thiết bị ra khỏi hệ thống ta làm như sau:

- Nhấn mạnh vào nút nhấn khẩn cấp (khi này hệ thống sẽ tạm ngừng hoạt động).
- Chuyển công tắc điều khiển của thiết bị gặp sự cố về giữa tương ứng với trạng thái OFF.
- Ngắt nguồn cấp điện cho thiết bị gặp sự cố bằng cách tháo dây điện tại vị trí domino tương ứng với thiết bị hoặc rút điện nguồn.

Sau khi đã cách ly thiết bị ra khỏi hệ thống chúng ta tiến hành kiểm tra khắc phục sự cố. Những thiết bị không hoạt động.

– Nguyên nhân chủ yếu là các tiếp điểm của công tắc chuyển đổi chế độ, phao tín hiệu, timer... không còn tốt.

Cách khắc phục: Dùng đồng hồ điện kiểm tra để phát hiện điểm rò rỉ điện.

Ngoài ra, khi gặp các sự cố ngoài hướng dẫn cần thông báo cho nhân viên Công ty Sài Gòn Xanh để được hỗ trợ kịp thời

3.6.4. Đối với sự cố cháy nổ

Do tính chất đặc thù của Công ty là ngành may mặc, nên nguy cơ cháy nổ cao. Vì vậy, Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống PCCC và xây dựng phương án PCCC cho nhà xưởng và đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy quận 8 phê duyệt (phương án PCCC cho Công ty được đính kèm trong Phụ lục báo cáo)

Công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng thiết kế và thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hệ thống thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật liên quan. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

Công ty phối hợp với công an PCCC của địa phương để diễn tập PCCC tại Công ty định kỳ 01 năm/lần, đồng thời cử cán bộ tại Công ty đi tập huấn các lớp về PCCC. Phối hợp với đơn vị có chức năng đánh giá tình trạng sử dụng của thiết bị PCCC để Công ty có phương án thay thế kịp thời.

Công ty đã xây dựng các bước ứng cứu sơ bộ kịp thời khi sự cố xảy ra như sau:

Bước 1: Báo động toàn bộ Công ty, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán công nhân viên tại Công ty theo hướng thoát hiểm.

Bước 2: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của Công ty và sử dụng những phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị sẵn tại Công ty để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy sang khu vực khác.

Bước 3: Gọi điện thoại đến số 114 báo cháy đến Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an quận 8, sau đó gọi điện thoại báo cho công an phường, UBND phường 12, quận 8 để điều động lực lượng, phương tiện đến hỗ trợ công tác tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Bước 4: Di tản những tài sản có giá trị ra khỏi khu vực Công ty.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”





Hình 3. 14. Hệ thống PCCC tại Cơ sở

Các phương án chi tiết với các trường hợp được đề ra trong Phương án PCCC được phía cơ quan Phòng cháy chữa cháy quận 8 phê duyệt (*Phương án PCCC của Công ty được đính kèm trong báo cáo*).

3.6.5. Sự cố an toàn về điện

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở, để hạn chế các tác động do sự cố an toàn về điện Công ty đã sử dụng những biện pháp sau:

- Có cán bộ chuyên phụ trách về hệ thống điện trong Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để kịp thời phát hiện ra sự cố và khắc phục tránh hiện tượng chập điện xảy ra.
- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.
- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì hoặc rơ le quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài ngăn ngừa khi có chập chập, phát hỏa.
- Khi sửa chữa điện phải cắt cầu dao điện để không bị điện giật.
- Không mở cầu dao, bật công tắc điện khi tay ướt, chân không mang dép, đứng nơi ẩm ướt.
- Các máy móc, thiết bị được sử dụng có hồ sơ lý lịch đi kèm và có đầy đủ các thông số kỹ thuật thường xuyên được kiểm tra giám sát.

3.6.6. Sự cố rò rỉ, tràn đổ hoá chất, nhiên liệu

Trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty khả năng xảy ra hiện tượng rò rỉ, đổ tràn hoá chất nhiên liệu là rất dễ xảy ra nhằm hạn chế sự cố tràn đổ hóa chất, hạn chế rủi ro khi các hóa chất có yếu tố nguy hiểm, độc hại có thể bị rò rỉ, phát tán ra bên ngoài. Một số biện pháp được Công ty áp dụng như sau:

- Sắp xếp hóa chất nhiên liệu khoa học, ngăn nắp, bảo quản hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đầy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng, tránh nắng, tránh mưa.
- Tại các khu vực tồn trữ hóa chất nhiên liệu có treo biển cấm hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa. Biển báo ghi đầy đủ thông tin về loại hóa chất và hướng dẫn an toàn kèm theo.
- Thường xuyên kiểm tra các hướng dẫn tồn trữ được cung cấp bởi nhà cung ứng để có biện pháp tồn trữ đúng cách đối với mỗi loại sản phẩm, hóa chất.
- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn đối với từng chủng loại hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa và sử dụng.

3.6.7. Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý lò hơi

- Luôn bảo trì, kiểm tra lò hơi một cách thường xuyên và liên tục, kiểm tra chất lượng khí thải đầu ra của hệ thống để có những giải pháp vận hành tốt hơn.
- Đội ngũ nhân viên vận hành máy móc trong hệ thống xử lý khí thải phải là những người có chuyên môn về môi trường và luôn được đào tạo nâng cao nghiệp vụ nhằm ứng phó với những sự cố có thể xảy ra trong thời gian nhanh nhất. Ngoài ra, đội ngũ này cũng được đào tạo thêm về ngành điện cũng như cơ khí.
- Khi xảy ra sự cố phải thông báo ngay cho đơn vị tư vấn tiến hành khắc phục và thông báo cho cơ quan chính quyền phối hợp giám sát.
- Tuy nhiên cũng có trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố phải ngưng hoạt động hoàn toàn, khi đó Chủ đầu tư phải ngừng công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải để tiến hành sửa chữa khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong mới tiến hành hoạt động sản xuất trở lại.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.7.1. Biện pháp giảm thiểu, khống chế ô nhiễm nhiệt dư

Vấn đề khống chế ô nhiễm nhiệt bao gồm việc hạn chế nhiệt phát sinh và kiểm soát quá trình phát tán nhiệt trong khu vực sản xuất, nhằm đảm bảo các điều kiện vi khí hậu, cường độ bức xạ thuận lợi cho môi trường lao động của công nhân, giảm thiểu tác động đến công nhân làm việc tại khu vực sản xuất. Để giảm ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm cao tới sức khỏe của công nhân lao động trong khu vực xưởng sản xuất Công ty áp dụng các biện pháp khống chế như sau:

+ Nhà xưởng được xây dựng đúng tiêu chuẩn xây dựng cho nhà xưởng công nghiệp. Trên mái nhà xưởng sử dụng vật liệu cách nhiệt để hạn chế sự hấp thu nhiệt độ từ bức xạ mặt trời.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

+ Khu vực xưởng sản xuất có hệ thống quạt thông gió gắn trên tường nhà xưởng và quạt thổi mát có công suất lớn cục bộ cho công nhân làm việc tại khu vực tỏa nhiệt cao như khu vực ủi...bố trí cửa lấy gió và thải gió một cách hợp lý làm mát nhà xưởng, để lưu thông không khí giữa khu vực sản xuất và môi trường xung quanh nhằm gia tăng sự trao đổi khí, giúp nhà xưởng loại bỏ khí nóng bên trong, cung cấp khí tươi, O₂ từ bên ngoài vào từ đó giúp làm mát nhà xưởng, tạo môi trường trong lành cho công nhân làm việc hiệu quả, ổn định các thông số vi khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, bụi...làm giảm nồng độ các hơi khí độc trong nhà xưởng giúp cho không khí lưu thông tuần hoàn tốt nhất.

+ Khu văn phòng được trang bị máy điều hòa nhiệt độ để điều hòa không khí, vì khí hậu trong khu vực làm việc.

+ Bố trí ca làm việc, thời gian làm việc hợp lý. Các công nhân làm việc tại máy móc có mức tỏa nhiệt cao không làm liên tục quá 25% thời gian.

+ Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

+ Xung quanh nhà xưởng có trồng cây xanh với các loại cây có tán rộng nên đây sẽ là mảng xanh tạo bóng mát, hạn chế bức xạ mặt trời, giúp được phần nào điều hòa vi khí hậu trong nhà xưởng.

+ Lựa chọn khu vực lắp đặt và bố trí máy móc hợp lý, không bố trí các máy phát sinh nhiệt cao ở gần nhau mà phải có khoảng cách ly hợp lý.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống máy móc để phát hiện ra những sai phạm và kịp thời sửa chữa.

3.8. Nội dung thay đổi so với Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

Dự án “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004.

Trong quá trình triển khai Dự án đến nay có một số thay đổi so với Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được xác nhận như sau:

Bảng 3. 11. Bảng nội dung thay đổi thực tế so với Bảng đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

Stt	Nội dung	Nội dung theo Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã phê duyệt	Hiện nay
1	Về dây chuyền sản xuất	18 dây chuyền	11 dây chuyền
2	Về lò hơi	9 lò hơi điện	3 lò hơi dầu DO
3	Về diện tích đất sử dụng	3.076 m ²	5.230 m ²

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

4	Về quy trình xử lý nước thải	Bể tự hoại 3 ngăn	Bể tự hoại 3 ngăn và Hệ thống xử lý nước thải công suất 120m ³ /ngày.đêm
---	------------------------------	-------------------	---

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (Bao gồm nước thải từ bồn xí, bồn tiểu của công nhân trong nhà vệ sinh).
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ lavabo, phễu thu sàn.
- + Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình xả cặn nồi hơi và nước vệ sinh lòng thành lò hơi.
- + Nguồn số 04: Nước thải từ tháp hấp thụ (nước) hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

Thành phần đặc trưng của nước thải sinh hoạt là các chỉ tiêu có chứa các chất cặn bã, các hợp chất hữu cơ BOD₅, COD, TSS (các chất lơ lửng), chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ, váng nổi và vi khuẩn gây bệnh Coliform...

- Lưu lượng xả thải tối đa:

Công ty xin đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận cho Cơ sở là hệ thống thoát nước thải chung của Thành phố trên đường Nguyễn Duy (Tại hẻm 638 Nguyễn Duy, phường Xóm Củi, quận 8 sau đó chảy ra hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Duy) với lưu lượng xả thải tối đa là 120 m³/ngày đêm (Theo thiết kế của hệ thống) với quy chuẩn áp dụng là QCVN 14:2008/BTNMT, giá trị C, cột B, với hệ số K = 1.

- Dòng nước thải

Số lượng dòng nước thải sau xử lý đề nghị cấp phép cụ thể: 01 dòng nước thải

Nước thải từ các nguồn phát sinh tại cơ sở được dẫn về HTXLNT tập trung của nhà máy, công suất 120 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, giá trị C, cột B với hệ số K = 1 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Duy.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Căn cứ theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt, Công ty đề nghị được cấp phép các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:



Hình 4. 1. Hồ ga tập trung nước thải từ HTXLNT của nhà máy Hữu Nghị (tại vị trí X: 1188214, Y: 599376 thuộc Hệ tọa độ VN-2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°45')

Bảng 4. 1. Bảng giá trị QCVN 14:2008/ BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Giá trị giới hạn
			QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K = 1
1	pH	-	5 – 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	TSS	mg/l	100
4	TDS	mg/l	1000
5	Sunfua	mg/l	4
6	Amoni	mg/l	10
7	Nitrat	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Giá trị giới hạn
			QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K = 1
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Photphat	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

Ghi chú:

(*) Giá trị giới hạn căn cứ theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với:

- Hệ số K = 1 Cơ sở sản xuất Từ 500 người trở lên
- K không áp dụng với các chỉ tiêu pH, Coliform.

+ Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- **Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

Vị trí xả thải: Có 1 vị trí xả thải

Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga thoát nước thải tập trung của khu vực (Tại hẻm 638 Nguyễn Duy, phường Xóm Củi, quận 8) sau đó chảy ra hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Duy) gần khu vực hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

Toạ độ vị trí xả nước thải (Hệ toạ độ VN-2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰45'): X(m): 1188214, Y(m): 599376

Phương thức xả nước thải: Tự chảy vào cống thoát nước của thành phố trên đường Nguyễn Duy.

Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ ngày.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- **Nguồn phát sinh khí thải:**
 - Nguồn số 01: Khí thải từ ống thoát khí lò hơi
 - Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống hút mùi hệ thống xử lý nước thải.
- **Lưu lượng xả khí thải tối đa: 3200 m³/h**
 - Nguồn số 01: 800 m³/h
 - Nguồn số 02: 2.400 m³/h

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

- Dòng khí thải

Có 02 dòng khí thải đề nghị cấp phép cụ thể:

- Dòng số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi được đưa ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao 12m hướng về phía không gian thoáng.
- Dòng số 02: Mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống hút mùi xử lý nước thải được đưa ra ngoài môi trường thông qua ống thoát dài 10m hướng về phía không gian thoáng.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Căn cứ theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Công ty đề nghị được cấp phép các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải cho cơ sở như sau:

Bảng 4. 2. Bảng thông số tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B $K_p = 1; K_v = 0,6$	QCVN 20:2009/BTNMT
Dòng khí thải số 1				
1	Bụi	mg/Nm ³	120	-
2	SO ₂	mg/Nm ³	300	-
3	NO _x	mg/Nm ³	510	-
4	CO	mg/Nm ³	600	-
Dòng khí thải số 2				
5	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	30	-
6	Hydro Sulfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	4,5	-
7	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	-	15

Ghi chú: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải căn cứ theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và khí thải vô cơ với:

- + K_p : Hệ số lưu lượng nguồn thải – Nguồn thải có lưu lượng $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$, $K_p=1$
- + K_v : Hệ số vùng, khu vực – $K_v= 0,6$: Nội thành đô thị loại đặc biệt.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Đánh giá nguồn thải: Nguồn thải số 1 cần được so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Nguồn thải số 2 được so sánh với QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và 1 số chất hữu cơ.

- Vị trí, phương thức xả khí thải

Bảng 4. 3. Vị trí, phương thức xả khí thải

Stt	Vị trí	Hệ tọa độ Việt Nam VN - 2000		Phương thức xả khí thải
		X	Y	
1	Ống khói lò hơi	X(m): 1188203	Y(m): 599313	Quạt hút (Xả gián đoạn, chỉ phát sinh khi lò hơi hoạt động)
2	Ống thoát khí hệ thống xử lý nước thải	X(m): 1188244	Y(m): 599270	Quạt hút (Xả liên tục)

4.3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị (máy thổi khí, máy bơm) tại hệ thống xử lý nước thải
- + Nguồn số 02: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4. 4. Bảng tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Stt	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi giờ 3°)
1	Nguồn số 01	X=1188217, Y=599321
2	Nguồn số 02	X=1188239, Y=599316

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

Về tiếng ồn căn cứ theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Công ty đề nghị được cấp phép giá trị giới hạn của tiếng ồn theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho cơ sở như sau:

Bảng 4. 5. Bảng giá trị giới hạn với tiếng ồn

Stt	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Về độ rung căn cứ theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Công ty đề nghị được cấp phép giá trị giới hạn của độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho cơ sở như sau:

Bảng 4. 6. Bảng giá trị giới hạn với độ rung

Stt	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

Ngoài ra, các nguồn gây ra tiếng ồn, độ rung khác bên trong do hoạt động của cơ sở không được vượt quá giá trị quy định tại QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở

Trong thời gian hoạt động 2 năm gần đây Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 7444 ngày 12/11/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp.. thực hiện đầy đủ các hồ sơ môi trường khác như (Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm, ký hợp đồng thu gom các loại chất thải...). Các chất thải phát sinh tại Cơ sở được quản lý đúng với các quy định hiện hành,

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc hệ thống xử lý nước thải năm 2023 và 2024

Thời gian quan trắc	Nhóm thông số										
	pH	TSS	BOD ₅	Amoni	Nitrat	Photphat	Coliform	Sunfua	Dầu mỡ ĐTV	TDS	Chất hoạt động bề mặt
	-	mg/l	mgO ₂ /l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100ml	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
22/05/2023	6,85	23	19	1,84	16,9	1,68	420	0,07	0,7	709	0,15
22/06/2024	6,11	22	18	3,66	10,1	3,01	2100	2,01	3,1	312	2,01
26/12/2024	7,40	23	15	9,7	7,5	1,8	1000	KPH	KPH	344	KPH

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Xưởng may gia công quần áo các loại, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”

QCVN 14:2008/BTNM T, cột B	5-9	100	50	10	50	10	5.000	4	20	1000	10
---	------------	------------	-----------	-----------	-----------	-----------	--------------	----------	-----------	-------------	-----------

Trong quá trình hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống luôn vận hành tốt, được bảo trì đều đặn => không xảy ra sự cố về hệ thống xử lý nước thải

Kết quả quan trắc nước thải cho thấy khả năng đáp ứng của hệ thống xử lý nước thải tốt, mức độ phù hợp cao.

Tổng lưu lượng nước thải xả ra công thoát nước chung của thành phố trong 2 năm gần nhất khoảng 12.000 m³ Theo sổ theo dõi lưu lượng nước xả thải hàng ngày của cơ sở

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc khí thải ở không khí xung quanh trong năm 2023 2024

Thời gian quan trắc	Nhóm thông số				
	Tiếng ồn	Bụi	NO2	CO	SO2
	(dBA)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)
22/05/2023	61,3	0,14	0,062	5,36	0,059
15/06/2024	62,6	0,17	0,056	5,11	0,058
26/12/2024	59,2	0,217	0,081	<8,33	0,095
QCVN 05:2013/BTNMT	-	0,3	0,2	30	0,35
QCVN 26:2010/BTNMT (6h - 21h)	≤ 70	-	-	-	-

Bảng 5. 3. Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường không khí bên trong tại năm 2023-2024

Thời gian quan trắc	Nhóm thông số				
	Bụi	SO2	NO2	CO	Độ ồn
	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(dBA)
22/05/2023	0,31	0,069	0,062	5,77	81,5
26/12/2024	0,315	0,127	0,114	<8,33	72,4
QCVN 02:2019/BYT	8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	10	10	40	-
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	≤ 85

Bảng 5. 4. Bảng kết quả quan trắc môi trường tại lò hơi sau HTXL khí thải trong năm 2023-2024

Thời gian quan trắc	Nhóm thông số			
	Bụi	SO ₂	NO _x	CO
	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
22/05/2023	105	46,3	128	411
15/06/2024	89	123	233	425
26/12/2024	31	0	69	312
QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kv = 0,6; Kp = 1)	120	300	510	600

Trong quá trình hoạt động, các hệ thống không gặp vấn đề kĩ thuật nào, hoạt động tốt. Từ các kết quả đo đạc cho thấy các hệ thống có mức độ phù hợp cao, khả năng đáp ứng tốt với nhà máy.

5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Tháng 04 năm 2025 Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ-XPHC ngày 15/04/2025 về hành vi vi phạm đối với Công ty: Nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định

Căn cứ vào Quyết định xử phạt Công ty đã chấp hành Quyết định xử phạt và thực hiện nộp phạt tổng số tiền 25.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước (*Quyết định xử phạt vi phạm hành chính + ủy nhiệm chi đóng phạt được đính kèm tại phần Phụ lục báo cáo*).

CHƯƠNG 6. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Đối với nước thải:

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1353/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/12/2019.

Công ty không có thay đổi các công trình bảo vệ môi trường so với giấy phép môi trường thành phần. Do đó Công ty đề xuất không vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 31, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Đối với bụi, khí thải từ lò hơi sử dụng dầu DO:

Căn cứ theo Điểm c, Khoản 1, Điều 31, Nghị định 05/2025/NĐ - CP ngày 10/01/2022 “Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO” Do đó chủ đầu tư đề xuất không vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải:

Để kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN theo quy định trước khi thải ra môi trường, Công ty vẫn sẽ thực hiện việc quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý theo Điểm b, Khoản 3, Điều 97 quy định “Đối với dự án, cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động liên tục: Tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần” đối với trường hợp không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường với nội dung giám sát như sau:

Bảng 6. 1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ nước thải

Stt	Vị trí	Thông số giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở	pH, TSS, TDS, BOD5, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₃ ⁻ , P- PO ₄ ³⁻ , Dầu mỡ ĐTV, Sunfua, chất hoạt động bề mặt, Coliform.	06 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B k=1

- Quan trắc khí thải

Bảng 6. 2. Chương trình quan trắc khí thải

Stt	Vị trí	Thông số giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
1	Khí thải tại HTXLKT lò hơi	Bụi, NO ₂ , SO ₂ , CO	06 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục nước thải

Công ty không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống và quan trắc nước thải, khí thải liên tục, tự động (Theo Khoản 4, Điều 97, và Khoản 5, Điều 98 của Nghị định 05/2025/NĐ- CP ngày 06/01/2025).

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự trù kinh phí thực hiện chương trình quan trắc môi trường hằng năm của Công ty như sau:

Bảng 6. 3. Dự trù kinh phí thực hiện chương trình quan trắc môi trường hằng năm

STT	Vị trí	Tần suất	Số lượng mẫu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở	06 tháng/lần	02	2.000.000	4.000.000
2	Khí thải tại HTXLKT lò hơi	06 tháng/lần	02	2.000.000	4.000.000
Tổng cộng				8.000.000	

CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần May Hữu Nghị xin cam kết:

- Thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Cam kết các nội dung đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường là chính xác, trung thực, đúng với hiện trạng thực tế tại cơ sở.

- Trong quá trình hoạt động cam kết không gây bất kỳ hoạt động nào khác có khả năng dẫn đến ô nhiễm các thành phần môi trường như: Đất, nước, không khí, sinh vật và không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế, xã hội tại địa phương.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu có bất kỳ hành vi vi phạm nào về hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung, biện pháp quản lý, xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động đến môi trường và bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

- Trong quá trình hoạt động các nguồn thải được kiểm soát chặt chẽ, nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường đạt theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về bảo vệ môi trường có liên quan đến Dự án.

+ Khí, mùi thải thải từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp = 1, Kv = 0,6) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Bụi, khí thải từ lò hơi đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp = 1, Kv = 0,6) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Chất lượng môi trường không khí, vi khí hậu, độ ồn và ánh sáng bên trong cơ sở đảm bảo đạt QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 22:2016/BYT.

+ Chất lượng môi trường không khí xung quanh cơ sở đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT.

+ Tiếng ồn khu vực xung quanh cơ sở đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

+ Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu trữ và chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng để thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của

Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Cam kết không khai thác nước ngầm trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố gây tác động đến môi trường xung quanh và ảnh hưởng đến khu dân cư.
- Cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ công tác quan trắc môi trường định kỳ như đã đề xuất trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường 01 lần/năm gửi về UBND quận 8 (Thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 8) và Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh để quản lý và theo dõi.